

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

**Tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng, an ninh giai đoạn 2021 – 2025 và phương hướng,
nhiệm vụ, giải pháp thực hiện giai đoạn 2026 - 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 – 2030 và Công văn số 16684/BTC-NSNN ngày 24/10/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025, dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 – 2030; UBND tỉnh báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm 2021 – 2025¹ và dự kiến Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh Đắk Lắk, như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

Tỉnh Đắk Lắk thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm 2021 - 2025 trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát; thể chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện; tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị được sắp xếp tinh, gọn, hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả; các khâu đột phá chiến lược và các động lực tăng trưởng được thúc đẩy; chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo có bước tiến mới... Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường, tác động của đại dịch COVID-19, sự điều chỉnh chính sách thuế, tài chính của các nước lớn; giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng cao, trong khi giá một số nông sản chủ lực của tỉnh chưa đạt như kỳ vọng; thời tiết diễn biến bất thường đã ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển của tỉnh...

Trong bối cảnh đó, với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương, sự quan tâm, hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương và các tổ chức, cá nhân, toàn Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng, thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, đoàn kết, quyết tâm, nỗ lực

¹ Tỉnh Đắk Lắk (cũ): HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tỉnh Đắk Lắk 5 năm giai đoạn 2021 – 2025.
Tỉnh Phú Yên (cũ): HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên 5 năm 2021 – 2025.

phần đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm 2021 – 2025 của tỉnh đạt được những kết quả quan trọng, tương đối toàn diện trên các lĩnh vực.

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu²

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP theo giá so sánh năm 2010) trong 5 năm 2021-2025 đạt 454.404 tỷ đồng, bình quân tăng 5,81%/năm. Trong đó: Nông, lâm, thủy sản bình quân tăng 5,33%/năm; Công nghiệp - xây dựng tăng 7,14%/năm (riêng công nghiệp tăng 9,49%/năm; xây dựng tăng 3,52%/năm); Dịch vụ tăng 6,01%/năm; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,39%/năm.

Cơ cấu GRDP năm 2025 (theo giá hiện hành): Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 37,43%; công nghiệp - xây dựng chiếm 18,29%; dịch vụ chiếm 40,44%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,83%.

Quy mô nền kinh tế đạt tăng trưởng khá, đến hết năm 2025 GRDP theo giá hiện hành đạt 226.875 tỷ đồng, tăng 73% so với năm 2020³.

(2) GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến cuối năm 2025 đạt 79,6 triệu đồng/người, tăng 32 triệu đồng so với năm 2020.

(3) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt 284.638 tỷ đồng, chiếm 31,4% tổng GRDP giá hiện hành, bình quân tăng 0,19%/năm.

(4) Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đạt 9.993 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 17%/năm.

(5) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 5 năm đạt 755.326 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,95%/năm.

(6) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trong 5 năm đạt 74.422 tỷ đồng, bình quân tăng 6,1%/năm.

(7) Phát triển hạ tầng: Đến hết năm 2025, tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng có nhu cầu tưới đạt 83,7%; tỷ lệ đô thị hóa đạt 41,28%.

(8) Phát triển doanh nghiệp (DN), HTX: Trong 5 năm có 10.394 DN thành lập mới, bình quân tăng 8,6%/năm và có 432 HTX đăng ký thành lập.

(9) Giai đoạn 2021-2025: Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 7,25%, tương ứng giảm bình quân 1,45%/năm; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 18,41%, tương ứng giảm bình quân 3,68%/năm. Năm 2025 giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị còn 2,15%.

(10) Lao động và việc làm: Đến cuối năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế giảm còn 61%; Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đạt 69%, trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng

² Đối với giai đoạn 2021–2025 không có hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh sau hợp nhất để làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành. Vì vậy, báo cáo tập trung tổng hợp kết quả thực hiện của hai tỉnh trước khi hợp nhất, chuẩn hóa theo địa giới hành chính mới và đánh giá xu hướng phát triển, chất lượng tăng trưởng, làm cơ sở xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2026–2030.

³ GRDP theo giá hiện hành năm 2020 đạt 131.102 tỷ đồng.

chỉ đạt 27%. Trong 5 năm giải quyết việc làm cho 290.930 lao động. Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội đến hết năm 2025 đạt 17,7%.

(11) Đến năm 2025, tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia đạt 61,73%.

(12) Đến hết năm 2025: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm còn 13,6%; Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 29,75 giường; Số bác sỹ trên một vạn dân đạt 8,6 bác sỹ; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%.

(13) Lũy kế đến cuối năm 2025, có 26/88 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

(14) Đến hết năm 2025: Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 15,7% (3/19 CCN). Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý đạt 92%. Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) đạt 41,06%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,49%. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 92,5%.

(15) Quốc phòng, an ninh: Tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao. Tổ chức và chỉ đạo diễn tập ở các cấp hoàn thành tốt trở lên. Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, góp phần ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Tai nạn giao thông đường bộ liên tục được kiểm giảm về số vụ, số người chết, số người bị thương.

(Kết quả thực hiện chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

2. Kết quả thực hiện mục tiêu kép về phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 xảy ra, lan nhanh trên thế giới và trong nước, để thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch, Tỉnh đã thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống dịch COVID-19. Tổ chức triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 an toàn, khoa học, hiệu quả cho các đối tượng. Thời điểm dịch bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp trên phạm vi rộng, cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở đã đoàn kết, đồng lòng, quyết tâm trên tinh thần “chống dịch như chống giặc”, tập trung huy động toàn lực bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của Nhân dân; từng bước kiểm soát, khống chế, đẩy lùi dịch bệnh và duy trì, khôi phục, phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, UBND các tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên (trước sắp xếp) đã kịp thời ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh⁴. Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19, song với sự nỗ lực, quyết

⁴ UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Chương trình số 1987/CTr-UBND ngày 15/3/2022 về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

tâm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, sự ủng hộ của nhân dân trên địa bàn tỉnh cùng với sự chủ động, linh hoạt thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch bệnh, tập trung thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án về phát triển kinh tế - xã hội, triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, phục hồi phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, do đó, tình hình dịch COVID-19 đã được kiểm soát trên địa bàn, các hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế phục hồi tốt trong năm 2022, 2023 (*năm 2022 tăng trưởng GRDP đạt 7,97%; năm 2023 đạt 6,08%*).

3. Kết quả thực hiện lĩnh vực kinh tế

3.1. Đánh giá chung về mô hình tăng trưởng

Nhìn tổng thể, giai đoạn 2021–2025 là giai đoạn tỉnh phải đối mặt với nhiều biến động lớn, từ tác động của đại dịch COVID-19, biến động kinh tế thế giới đến việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và hợp nhất tỉnh. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, các cân đối lớn cơ bản được bảo đảm, an sinh xã hội được giữ vững và quốc phòng, an ninh được tăng cường. Tốc độ tăng GRDP (theo giá so sánh) giai đoạn 2021-2025 bình quân đạt khoảng 5,81%/năm. Quy mô kinh tế ngày càng mở rộng, GRDP theo giá hiện hành trong 5 năm đạt khoảng 902.027 tỷ đồng, mức tăng bình quân 11,59%/năm; năm 2025 đạt 226.875 tỷ đồng, tăng 73% so với năm 2020. Đời sống người dân ngày càng được cải thiện, GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 79,6 triệu đồng/người, tăng 32 triệu đồng so với năm 2020. Chất lượng tăng trưởng từng bước được cải thiện, năng suất lao động giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân khoảng 5,34%/năm. Kinh tế số có bước phát triển, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh tăng từ 6,62% năm 2020 lên khoảng 7,67% năm 2025.

Mô hình phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2021–2025 được duy trì trên nền tảng tăng trưởng ổn định của khu vực nông nghiệp, sự phục hồi mạnh mẽ của thương mại, dịch vụ, vai trò dẫn dắt của đầu tư công và sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Đặc biệt, việc hợp nhất hai tỉnh đã mở ra không gian phát triển mới với lợi thế kết nối giữa vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ, tạo điều kiện hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến logistics và xuất khẩu. Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, tăng trưởng vẫn dựa nhiều vào khu vực nông nghiệp; công nghiệp chế biến sâu, logistics và dịch vụ chất lượng cao tuy có bước phát triển nhưng chưa tạo được sự chuyển dịch mạnh về cơ cấu kinh tế; chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp còn hạn chế; việc khai thác lợi thế của không gian phát triển mới sau hợp nhất cần thêm thời gian và các cơ chế, chính sách phù hợp. Điều này cho thấy sức chống chịu và khả năng thích ứng của nền kinh tế địa phương đã được cải thiện rõ nét; dư địa nâng cao chất lượng tăng trưởng vẫn còn lớn, đặc biệt thông qua phát triển công nghiệp chế biến sâu, logistics và kinh tế số.

3.2. Về huy động vốn đầu tư toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm khoảng 284.638 tỷ đồng, chiếm 31,4% GRDP theo giá hiện hành. Huy động vốn đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kết cấu hạ tầng và hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh là 62.379 tỷ đồng (*cao hơn 9.462 tỷ đồng, vượt 17,95% so với kế hoạch Trung ương giao*). Trong đó, số đã giao thực tế kế hoạch hằng năm đến nay là 55.394 tỷ đồng (*vượt 5,07% so với kế hoạch trung ương giao; đạt 88,8% kế hoạch địa phương giao*). Tuy chiếm tỷ lệ khoảng 22% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, nhưng vốn đầu tư công đóng vai trò là nguồn vốn dẫn dắt và định hướng vốn đầu tư toàn xã hội phục vụ cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công một mặt vừa đóng góp trực tiếp vào tiêu thụ nguyên, nhiên vật liệu và hàng hóa, phát triển cơ sở hạ tầng, giảm chi phí lưu thông, nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế... một mặt vừa đóng góp vào tăng trưởng kinh tế cho địa phương, mặt khác gián tiếp đưa tiền vào thị trường để kích thích cung - cầu, đồng thời tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người lao động và cải thiện cơ sở hạ tầng, gián tiếp giúp phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội mạnh hơn, nhất là sau những cú sốc về suy giảm kinh tế do đại dịch COVID-19 gây ra. Đến nay, có nhiều công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

Công tác xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của tỉnh, cơ hội đầu tư được tích cực thực hiện và có nhiều đổi mới. Gắn kết hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và xúc tiến du lịch; tăng cường hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình triển khai đầu tư, sản xuất kinh doanh; thu hút được nhiều dự án chiến lược, tạo động lực bứt phá phát triển kinh tế - xã hội, nổi bật là các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, nhà ở, khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, hạ tầng công nghiệp. Giai đoạn 2021-2025, đã quyết định chủ trương đầu tư cho 235 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 94.476 tỷ đồng; cấp giấy chứng nhận đầu tư, chủ trương đầu tư cho 16 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 538,31 triệu USD, tương đương 13.490 tỷ đồng. Đến nay, nhiều dự án đã đi vào hoạt động, đem lại hiệu quả, đóng góp khá lớn vào nguồn thu ngân sách tỉnh, tạo nhiều việc làm cho lao động tại địa phương và chia sẻ gánh nặng về nguồn lực đầu tư với nhà nước.

Bên cạnh đó, tỉnh tiếp tục quan tâm công tác vận động và thu hút nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đã thu hút, vận động được 03 dự án sử dụng vốn ODA mới với tổng mức đầu tư là 1.509,135 tỷ đồng và đang vận động với 04 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 11.892,411 tỷ đồng. Đến cuối năm 2025, có 04 dự án đang triển khai thực hiện trên địa bàn, với tổng mức đầu tư 2.265.826 triệu đồng và năm 2026 bắt đầu triển khai 01 dự án với tổng mức đầu tư 468,73 tỷ đồng. Những dự án, công trình này đã góp phần cải thiện cơ bản và phát triển một bước cơ sở hạ tầng kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống người dân.

3.3. Về thu, chi ngân sách nhà nước

Tổng thu NSNN trên địa bàn trong 5 năm 2021-2025 đạt 74.422 tỷ đồng, bình quân tăng 6,1%/năm. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng mạnh so với

giai đoạn trước; việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện đã tăng cường tính chủ động của cấp huyện trong việc quyết định dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách hàng năm. Trong bối cảnh bị ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19 kéo dài làm giảm nguồn thu năm 2022 – 2023, nhưng các đơn vị đã nỗ lực triển khai các giải pháp thích ứng linh hoạt, phục hồi sản xuất kinh doanh, tổ chức thực hiện tốt các quy định về thuế, nhiệm vụ thu NSNN và khai thác có hiệu quả nguồn thu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trong những năm 2024 – 2025. Tuy nhiên, nguồn thu từ biện pháp tài chính (chủ yếu là thu tiền sử dụng đất) trong những năm qua còn thấp phần nào đã ảnh hưởng đến tổng thu NSNN và ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công của tỉnh.

Ngay sau ngày 01/7/2025, HĐND tỉnh đã tổ chức kỳ họp để giao lại dự toán cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là cấp xã, bảo đảm điều kiện vận hành bộ máy, chi trả tiền lương và thực hiện nhiệm vụ thường xuyên. Đồng thời, ban hành nhiều cơ chế, chính sách quan trọng về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và cấp xã; điều chỉnh định mức chi thường xuyên phù hợp với mô hình tổ chức mới. Một số khoản thu được phân chia 100% cho ngân sách cấp xã; đồng thời cho phép cấp xã được hưởng tỷ lệ phù hợp từ nguồn thu tiền sử dụng đất nhằm tạo nguồn lực ổn định, lâu dài để chủ động đầu tư phát triển và nâng cao trách nhiệm phối hợp triển khai dự án tại cơ sở. Cùng với sự đồng lòng, quyết tâm của toàn hệ thống chính trị, thu ngân sách nhà nước đạt kết quả tích cực, tạo nguồn lực quan trọng cho điều hành phát triển kinh tế - xã hội và vận hành mô hình mới. Năm 2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 18.154 tỷ đồng, vượt 35,5% dự toán Trung ương giao và vượt 11,3% dự toán HĐND tỉnh giao; trong đó, ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đạt 17.198 tỷ đồng⁵.

Tổng chi ngân sách địa phương trong 5 năm 2021-2025 thực hiện 158.041 tỷ đồng (bình quân mỗi năm chi NSNN 31.608 tỷ đồng). Kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước được tăng cường. Cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng thu nội địa và chi đầu tư phát triển; giảm tỉ trọng chi thường xuyên. Chi ngân sách đã đảm bảo nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động của các cấp, các ngành và cơ quan đơn vị để kịp thời triển khai thực hiện các nhiệm vụ chi cho công tác phòng chống dịch bệnh và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra; không để xảy ra ách tắc, chậm trễ, lãng phí nguồn kinh phí NSNN thuộc lĩnh vực chi thường xuyên; không để xảy ra tình trạng nợ lương và các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp và các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức chịu tác động từ việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 167/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài ra, tỉnh đã thực hiện tốt công tác tham mưu, phân bổ nguồn lực tài chính triển khai thực hiện Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2021 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột.

3.4. Về sản xuất nông, lâm, thủy sản

⁵ Trong đó: ngân sách cấp tỉnh: 16.447 tỷ đồng; ngân sách cấp xã: 751 tỷ đồng.

Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phát triển khá nhanh theo hướng chất lượng cao, bền vững; đóng vai trò “trụ đỡ” duy trì tốc độ tăng trưởng và mở rộng quy mô kinh tế của tỉnh. Tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 5,33%/năm. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục có những thay đổi tích cực, từ sản xuất dựa trên khai thác tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực xã hội đã bắt đầu hướng đến những “giá trị xanh”. Cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh của ngành, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp được chú trọng, năng suất, chất lượng các sản phẩm có lợi thế và thị trường như: cà phê, cao su, sầu riêng, các loại cây công nghiệp giá trị cao, cá ngừ, tôm hùm, tôm thẻ... được nâng lên đáng kể; việc xây dựng thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột, phát triển cà phê đặc sản hướng đến mục tiêu “*Buôn Ma Thuột là điểm đến của cà phê thế giới*” được chú trọng thực hiện.

Trồng trọt là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất với khoảng 70% giá trị sản xuất nông nghiệp, tổng diện tích gieo trồng đạt 839,5 ngàn ha. Công tác triển khai hỗ trợ, cấp mã số vùng trồng để nâng cao giá trị cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh được quan tâm thực hiện. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 320 mã số vùng trồng xuất khẩu với tổng diện tích hơn 9.500 ha và 52 cơ sở đóng gói xuất khẩu; có 75 mã số vùng trồng nội địa với tổng diện tích 1.260,57 ha.

Chăn nuôi là lĩnh vực chiếm tỷ trọng đứng thứ hai với khoảng 20% giá trị sản xuất nông nghiệp, bước đầu chuyển dịch theo hướng chăn nuôi công nghiệp, trang trại quy mô lớn, công nghệ cao; tập trung tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị ngành hàng gắn với bảo đảm an toàn sinh học, mở rộng chăn nuôi VietGAP. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 66 dự án trang trại chăn nuôi (gồm: 54 dự án chăn nuôi lợn; 08 dự án chăn nuôi bò; 03 dự án chăn nuôi gà và 01 dự án chăn nuôi vịt) đã được chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với quy mô tổng diện tích khoảng 4.931,51 ha và tổng vốn đầu tư các dự án khoảng 10.121,41 tỷ đồng. Trong đó có 27/66 dự án đã đi vào hoạt động, 34/66 dự án đang triển khai đầu tư xây dựng, hoàn tất các thủ tục đầu tư theo quy định, 05/66 dự án đã tạm dừng/chấm dứt hoạt động. Tổng đàn vật nuôi tỉnh đạt trên 23,69 triệu con⁶.

Lĩnh vực thủy sản (chiếm khoảng 07% giá trị sản xuất nông nghiệp) từng bước được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng giá trị nuôi trồng, giảm dần tỷ trọng khai thác ven bờ, gắn với chế biến và xuất khẩu. Tính đến nay, diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt trên 9,5 nghìn ha; sản lượng thủy sản ước đạt trên 40 nghìn tấn; sản xuất giống ước đạt trên 1,2 tỷ con. Toàn tỉnh có 2.559 tàu cá, sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 74 nghìn tấn. Công tác chống khai thác bất hợp pháp (IUU) được tập trung chỉ đạo, đến nay đã kiểm soát 100% tàu cập cảng, rời cảng tại 4 cảng cá chỉ định, xác nhận chứng nhận nguồn gốc thủy sản đúng quy định; 100% tàu cá 15m trở lên đã lắp đặt thiết bị theo dõi hành trình tàu cá (VMS) theo quy định; cấp giấy phép khai thác thủy sản đạt 99,21% các tàu còn lại đang hướng dẫn thực hiện (còn 20 tàu); xử phạt nghiêm các tàu mất kết nối VMS trên 6 giờ.

⁶ Trong đó: đàn trâu, bò ước đạt trên 455 nghìn con; đàn lợn trên 1,3 triệu con, đàn gia cầm trên 21,9 triệu con; sản lượng thịt hơi các loại từ đầu năm ước đạt trên 388 nghìn tấn, sản lượng trứng các loại đạt trên 826 triệu quả.

Về lâm nghiệp (chiếm khoảng 03% giá trị sản xuất nông lâm nghiệp): Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm. Toàn tỉnh Đắk Lắk có 1,05 triệu ha đất lâm nghiệp, trong đó: Diện tích có rừng là trên 743,1 nghìn ha (rừng tự nhiên 530,8 nghìn ha, rừng trồng 212,3 nghìn ha); Diện tích đất chưa có rừng trên 310 nghìn ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,06%.

Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai rộng khắp, thực chất, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc. Trước sắp xếp, tỉnh Đắk Lắk (cũ) có 81/149 xã được UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỉnh Phú Yên (cũ) có 64/82 xã được UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Sau sắp xếp, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới) còn lại 88 xã, đến hết năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 26/88 xã đạt 19/19 tiêu chí; có 06 xã đã đạt 18/19 tiêu chí; 01 xã đạt 17/19 tiêu chí; 04 xã đạt 16/19 tiêu chí; còn lại 48 xã đạt dưới 15 tiêu chí.

Hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư nâng cấp và từng bước hiện đại hóa, phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, đời sống dân sinh, phòng chống thiên tai. Đến nay, toàn tỉnh có tổng số 1.208 công trình thủy lợi, gồm: 676 hồ chứa nước, 286 đập dâng, 244 trạm bơm và 02 hệ thống đê bao, đảm bảo chủ động tưới cho 83,7% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới trên địa bàn tỉnh.

3.5. Về công nghiệp

Trong giai đoạn 2021-2025, chỉ số sản xuất công nghiệp duy trì tăng trưởng bình quân 11,5%/năm, đạt so với mục tiêu, ở mức khá so với các tỉnh trong khu vực và mức bình quân chung của cả nước. Mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19 nhưng các nhà máy đã nhanh chóng vượt qua khó khăn, ổn định tổ chức sản xuất, giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển công nghiệp. Bên cạnh việc nỗ lực duy trì tăng trưởng ổn định của các cơ sở công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp khai khoáng, công nghiệp điện nước đang hoạt động..., một số nhà máy sản xuất điện gió, điện mặt trời, nhà máy sản xuất dệt, may trang phục mới được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động đã góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực công nghiệp cho các năm tiếp theo.

Ngành công nghiệp tỉnh chú trọng chuyển dịch cơ cấu sản xuất công nghiệp từ sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, trang thiết bị truyền thống, thô sơ, sử dụng nhiều lao động sang công nghiệp chế biến sâu, trang thiết bị, công nghệ hiện đại, gia tăng cả chất và lượng của sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp của tỉnh.

Cùng với đó, tỉnh đã tập trung thu hút đầu tư các dự án công nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh, như:

- Khu vực phía Đông: Các dự án chế biến sản phẩm hải sản với quy mô công suất trên 40.000 tấn sản phẩm/năm đã tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu phần lớn xuất khẩu sang Mỹ, EU và một số nước ở thị trường châu Á. Đồng thời

đưa vào hoạt động 2 nhà máy sản xuất dược phẩm của các công ty Pymepharco, Công ty Thai Nakorn Patana, với tổng công suất trên 3 tỷ viên/năm; 01 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử với công suất 1 tỷ sản phẩm/năm. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, Công ty CP Tập đoàn N&G đang hoàn tất các thủ tục để khởi công xây dựng các dự án Cảng Bãi Gốc, Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Hòa Tâm - giai đoạn 1 và KCN công nghệ cao tại Khu Kinh tế Nam Phú Yên với tổng vốn đầu tư hơn 22,8 nghìn tỷ đồng. Đây là một điểm sáng mới, đáng chú ý của ngành công nghiệp luyện kim.

- Khu vực phía Tây: Các nhà máy sản xuất chế biến, sản phẩm công nghiệp chủ lực đều đang hoạt động ổn định và có sự tăng trưởng, các nhà máy đã tạo ra nhiều sản phẩm công nghiệp chế biến có giá trị cao cho tiêu dùng và xuất khẩu. Ngoài ra, đã phát triển thêm một số sản phẩm công nghiệp mới từ các dự án đưa vào hoạt động trong giai đoạn này với dây chuyền, máy móc hiện đại, giá trị gia tăng cao có tổng mức đầu tư lớn như: sản phẩm viên nén gỗ xuất khẩu, sản phẩm trái cây sấy thăng hoa, sản phẩm sợi dệt....

Trong giai đoạn, tập trung công tác phát triển nguồn năng lượng tái tạo để tận dụng tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh; góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh về mọi mặt (tăng nguồn thu ngân sách, cộng đồng doanh nghiệp phát triển lớn mạnh; tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập cho người dân...); góp phần thực hiện các mục tiêu môi trường bền vững và phát triển nền kinh tế xanh. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 25 nhà máy thủy điện đang hoạt động phát điện với tổng công suất lắp đặt là 1.223,67 MW; 16 dự án điện mặt trời nổi lưới đang hoạt động tổng công suất 1.607,75 và 6.515 hệ thống ĐMT mái nhà với tổng công suất lắp đặt là 758,634 MWp; 02 dự án điện gió đang hoạt động với công suất 428,8 MW và 04 dự án công suất 200MW đã thi công hoàn thiện (trong đó có 2 dự án đã đi vào vận hành); 01 dự án hoạt động với công suất 30 MW.

Các khu, cụm công nghiệp từng bước được đầu tư, hoàn thiện, góp phần tạo điều kiện cho thu hút doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh. Đến nay, tỉnh có 06 KCN và 19 CCN đang hoạt động. Tỷ lệ lấp đầy tại KCN Hòa Phú (Đắc Lắc), Hòa Hiệp 2 (Phú Yên) đạt 100%; bình quân các KCN khác đạt khoảng 77,6%. Hiện có 19 Cụm công nghiệp đang hoạt động với diện tích 675,05 ha. Ngoài ra, tỉnh đang tiến hành thủ tục đầu tư và xây dựng 07 Khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 3.357 ha; trong đó có 1 số Dự án có quy mô lớn đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư như: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phú Xuân, Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Tâm (giai đoạn 1), Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp công nghệ cao Phú Yên.

3.6. Về thương mại, dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2021-2025 đạt 755.326 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,95%/năm. Đến năm 2025, quy mô gấp 1,6 lần so với năm 2020. Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và tác động tiêu cực từ dịch bệnh, xung đột các quốc gia diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến lưu chuyển hàng hóa thị trường. Tuy vậy được sự chỉ đạo

của Chính phủ, UBND tỉnh, các cấp, các ngành đã kịp thời triển khai các biện pháp trong hoạt động thương mại dịch vụ, thúc đẩy phát triển lưu thông hàng hóa trên thị trường, không để hàng hóa ứ đọng, tạo cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm qua. Hàng hóa, dịch vụ đa dạng phong phú, các mặt hàng thiết yếu đảm bảo đáp ứng phục vụ tốt nhu cầu người dân trên địa bàn.

Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đạt 9.993 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 16,74%/năm. Đến năm 2025, quy mô xuất khẩu gấp 2,17 lần so với năm 2020. Đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa, giá các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực như cà phê, hạt tiêu, điều tăng nóng trong giai đoạn 2021-2024. Xuất khẩu sản phẩm ong sau thời gian giảm mạnh do thuế chống bán phá giá đã có dấu hiệu tăng trưởng trở lại. Ngoài ra các mặt hàng khác như sầu riêng, macca, chuối, hạt điều, hàng rau quả, linh kiện điện tử, hải sản chế biến.....đều có sự tăng trưởng mạnh nên kim ngạch xuất khẩu của tỉnh tăng vượt bậc với các giai đoạn trước. Đối với thị trường xuất khẩu, các cơ hội mở cửa thị trường từ cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong các hiệp định thương mại tự do đã đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường truyền thống như EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ, ASEAN.... đã được tận dụng một cách hiệu quả. Đồng thời, ngành công thương cũng đã xúc tiến khai thác một số thị trường mới có nhiều tiềm năng ở các khu vực như Mỹ Latin, Trung Đông, Châu Phi...

Tổng kim ngạch nhập khẩu toàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đạt 3.418 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 18%/năm. Đến năm 2025, quy mô nhập khẩu gấp 2,29 lần so với năm 2020. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất, hàng rau quả, hạt điều, phân bón... Kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh trong giai đoạn này là do việc nhập khẩu các máy móc thiết bị lắp đặt các nhà máy điện gió, điện năng lượng mặt trời...

Dịch vụ du lịch phát triển khá, tăng tốc phát triển, phục hồi tích cực sau đại dịch COVID-19; kết cấu hạ tầng du lịch được quan tâm đầu tư, các cơ sở lưu trú tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu của du khách và yêu cầu của các Lễ hội quy mô cấp quốc gia tổ chức tại tỉnh. Công tác xúc tiến, quảng bá và liên kết hợp tác phát triển du lịch được tích cực triển khai, góp phần truyền tải hình ảnh con người, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến với du khách trong và ngoài nước; tổ chức thành công nhiều Lễ hội văn hoá, hội nghị, hội thảo, sự kiện văn hoá - thể thao lớn, thu hút lượng lớn khách du lịch trong nước và quốc tế. Tổng lượt khách du lịch đến tỉnh trong 5 năm đạt trên 21,4 triệu lượt khách, bình quân tăng 34,9%/năm (trong đó có trên 247 nghìn lượt khách quốc tế), tổng thu từ du lịch đạt 33.247 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân đạt 59%/năm.

Bên cạnh đó, dịch vụ vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không) phát triển mạnh, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân ⁷; cùng với hệ thống giao thông đường bộ thông suốt và Nhà ga sân bay Buôn Ma Thuột, công suất 1 triệu khách/năm, Nhà

⁷ Khối lượng hàng hóa vận chuyển trong 5 năm đạt 110.132 ngàn tấn; khối lượng luân chuyển đạt 12.514,4 triệu tấn/Km. Vận tải hành khách đạt 190.250 ngàn hành khách; khối lượng luân chuyển đạt 16.820,9 triệu HK/km.

ga sân bay Tuy Hòa và tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh (phía Đông) đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại của người dân. Dịch vụ bưu chính, viễn thông hoạt động ổn định; hạ tầng viễn thông tiếp tục được đầu tư, phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống tinh thần của người dân.

Ngân hàng và các tổ chức tín dụng tiếp tục có bước phát triển mạnh về mạng lưới, quy mô⁸; huy động vốn giai đoạn 2021 - 2025 bình quân tăng 15,5%/năm, dư nợ cho vay bình quân tăng 12,4%/năm; tỷ lệ nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ cho vay, nằm trong tầm kiểm soát của các tổ chức tín dụng. Các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh triển khai; ứng dụng thanh toán điện tử đã được triển khai rộng khắp, hỗ trợ hiệu quả cho giao dịch thương mại điện tử gồm thanh toán thông qua thẻ (POS, ATM...), thanh toán trên Internet; thanh toán trực tiếp qua điện thoại di động; phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp thất nghiệp được tăng cường.

3.7. Về phát triển các thành phần kinh tế

- *Đối với khu vực kinh tế tư nhân:* Tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy mạnh triển khai công tác hỗ trợ cho DNNVV theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tập trung hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong triển khai thủ tục đầu tư, triển khai thực hiện dự án. Thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với tiến trình chuyển đổi số của tỉnh; đã tổ chức thành công Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo định kỳ hàng năm (đối với tỉnh Đắk Lắk cũ) và Cuộc thi khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh; phối hợp với Trường Đại học Tây Nguyên triển khai hoạt động của Trung tâm ĐMST tỉnh theo Thỏa thuận hợp tác đã ký; tổ chức sự kiện Techfest Đắk Lắk năm 2024,... với nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa, sự kiện đã tiếp tục tạo động lực, lan tỏa và phát triển tinh thần khởi nghiệp, tinh thần doanh nhân trong các tầng lớp Nhân dân; góp phần đẩy mạnh liên kết hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thành công các hoạt động hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho DNNVV trên địa bàn tỉnh; các Hội nghị, Hội thảo về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi và phát triển bền vững.

Đặc biệt, sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp, các ngành đã tập trung xây dựng và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn. Trong 5 năm 2021-2025, toàn tỉnh có hơn 10.000 DN thành lập mới. Đến nay, tổng số doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp ngoài tỉnh còn đăng ký hoạt động là 20.242 đơn vị. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 62.179 hộ kinh doanh đang hoạt động và kê khai thuế, nộp thuế theo quy định. Nhiều doanh nghiệp đã chủ động

⁸ Trên địa bàn tỉnh có 70 đầu mối tổ chức tín dụng (với 247 chi nhánh cấp 2 và phòng giao dịch trực thuộc), gồm 51 chi nhánh NHTM, 16 Quỹ tín dụng nhân dân, 01 Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội, 01 Chi nhánh Ngân hàng phát triển, 01 Chi nhánh Ngân hàng Hợp tác xã.

đổi mới, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tham gia tích cực vào việc giải quyết công ăn, việc làm, an sinh xã hội, đóng góp đáng kể cho thu ngân sách của địa phương, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- *Đối với khu vực kinh tế tập thể*: Công tác phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của KTTT trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm thực hiện; Tổ chức sản xuất của HTX, Tổ hợp tác hướng đến mục tiêu đạt chuẩn OCOP, góp phần hoàn thiện các chuỗi giá trị sản phẩm địa phương; phát triển và tham gia liên kết với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, đóng góp đáng kể cho NSNN, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, góp phần làm ổn định tình hình xã hội, giảm tỷ lệ hộ đói nghèo của tỉnh. Trong giai đoạn 2021 – 2025, có 432 HTX thành lập mới. Lũy kế đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 973 HTX đang hoạt động và 246 HTX ngừng hoạt động.

- *Khu vực doanh nghiệp nhà nước* đã thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, công ty TNHH MTV và giải thể theo quy định. Sau sắp xếp, số lượng doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu là 14 doanh nghiệp (tỉnh Đắk Lắk cũ là 11 doanh nghiệp, tỉnh Phú Yên cũ 03 doanh nghiệp⁹), trong đó: có 07 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Lâm nghiệp; 02 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Nông nghiệp; 03 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ và 02 doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích. Có 14 doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong đó 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 11 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ¹⁰; bên cạnh đó, có 03 doanh nghiệp đang thực hiện thủ tục giải thể¹¹.

Triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN, giai đoạn 2021 -2025, UBND tỉnh tiếp tục tập trung xử lý, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp, đổi mới các DNNN thuộc tỉnh quản lý; đồng thời tiếp tục thực hiện sắp xếp, chuyển đổi theo Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12/01/2024 của Chính phủ đối với 03 Công ty: Lâm nghiệp Thuận Mẫn, Cà phê - Ca cao Tháng 10 và Sản xuất kinh doanh tổng hợp Krông Ana; thực hiện cổ phần hóa đối với Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp này và cho chủ trương đề Người đại diện tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định

⁹ Tỉnh Đắk Lắk (cũ) 11 doanh nghiệp, gồm: Công ty TNHH MTV: Cà phê Ca cao tháng 10; Sản xuất kinh doanh tổng hợp Krông Ana; Xô số kiến thiết Đắk Lắk; Quản lý công trình Thủy Lợi Đắk Lắk và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp; Krông Bông; Ea Kar; Ea Wy; Chư Phá; M'Đrăk; Thuận Mẫn; Buôn Wíng
Tỉnh Phú Yên (cũ) 3 doanh nghiệp, gồm: Công ty TNHH MTV Thủy nông Đồng Cam; Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Phú Yên; Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô.

¹⁰ Gồm 8 Công ty cổ phần: Cao su Đắk Lắk, Cà phê Ea Pôk, Cà phê Phước An, Cà phê Thắng Lợi, Cấp nước Đắk Lắk, Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Môi trường Đô thị Phú Yên; Cấp thoát nước Phú Yên.
Có 06 Công ty TNHH HTV gồm: Lâm nghiệp Phước An; Lâm nghiệp Ea H'leo; Lâm nghiệp Buôn Ja Wâm; Chế biến thực phẩm và Lâm nghiệp Đắk Lắk; Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa - Đắk Lắk; HTV Cà phê Cư Pul.

¹¹ Gồm: Công ty TNHH MTV cà phê Buôn Ma Thuột; Công ty TNHH MTV Cà phê - Ca cao Krông Ana; Công ty TNHH MTV Đray Hling.

tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác (nếu có) theo quy định, đảm bảo thực hiện đúng quyền, trách nhiệm của cổ đông, thành viên Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định có liên quan.

3.8. Về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Các hoạt động kinh tế đối ngoại được triển khai chủ động, tích cực, từng bước mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư với nhiều đối tác mới; duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đối tác cấp địa phương đã có các thỏa thuận ký kết với tỉnh. Hợp tác với các địa phương trong nước cũng được mở rộng, góp phần đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, nghiên cứu khoa học, trao đổi thông tin, giao lưu văn hóa, xúc tiến giao thương, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Giai đoạn từ năm 2021 - 2025, UBND tỉnh đã phê duyệt tiếp nhận 153 khoản viện trợ với tổng giá trị cam kết đạt 13,71 triệu đô la Mỹ; đã triển khai ký kết 05 thỏa thuận với các cơ quan, tổ chức nước ngoài và đồng ý chủ trương đối với việc ký kết 11 thỏa thuận giữa các cơ quan trong tỉnh; ký kết 27 thỏa thuận quốc tế phù hợp với nhu cầu, tiềm năng, thế mạnh của cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện quản lý, theo dõi đoàn vào, đoàn ra chặt chẽ, đúng quy định¹². Nhìn chung, công tác đối ngoại của tỉnh đã đạt nhiều kết quả tích cực, tương đối toàn diện trên các trụ cột đối ngoại, góp phần huy động nguồn lực, đóng góp vào việc thực hiện ba đột phá chiến lược.

Việc triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới được tập trung thực hiện bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, phát huy tối đa nội lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tranh thủ hiệu quả các nguồn lực và điều kiện thuận lợi từ bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống Nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Các hoạt động liên kết hợp tác phát triển vùng Tây Nguyên, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ theo Nghị quyết số 23-NQ/TW và Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và liên kết hợp tác với các vùng lân cận được chú trọng triển khai thực hiện, tăng cường không gian kết nối, phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương và hỗ trợ nhau cùng phát triển. Các nhiệm vụ có tính chất liên vùng do Hội đồng điều phối vùng triển khai được tỉnh chú trọng và tích cực tham gia thực hiện, nhất là việc tham gia đề xuất các nội dung dự án trọng điểm, có tính liên vùng trong quy hoạch vùng.

Hai tỉnh trước sắp xếp đã chủ động triển khai hợp tác thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nội vùng và với các tỉnh lân cận như Chương trình liên kết phát triển kinh tế - xã hội giữa các tỉnh Lâm Đồng - Khánh Hòa - Bình Thuận - Ninh Thuận - Đắk Lắk - Phú Yên; Chương trình hợp tác phát triển giữa 5 tỉnh Tây Nguyên và Khánh Hòa, Phú Yên; Hợp tác phát triển du lịch Bình Định - Phú Yên - Gia Lai - Đắk Lắk; hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh...

¹² Trong giai đoạn 2021 – 2025, UBND tỉnh đã giải quyết theo thẩm quyền đối với 1.519 đoàn vào, trong đó có 1.968 chuyên gia đến làm việc tại tỉnh; giải quyết theo thẩm quyền đối với 289 đoàn ra, trong đó có 1.347 công chức, viên chức đi công tác, học tập ở nước ngoài.

Các hoạt động chủ yếu tập trung vào lĩnh vực du lịch, y tế và đầu tư, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương.

3.9. Về công tác quy hoạch, xây dựng và tài nguyên môi trường

Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, phát triển không gian kinh tế được quan tâm thực hiện. Đã khẩn trương tổ chức xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Phú Yên (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh kịp thời, đúng quy định, tạo hành lang pháp lý quan trọng trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kiến tạo không gian phát triển mới, khơi thông nguồn lực và khai thác hiệu quả hơn tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh khác biệt của địa phương. Các loại quy hoạch như: Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh; Quy hoạch đô thị, các quy hoạch ngành nông nghiệp, công thương... được triển khai kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý, làm căn cứ để quản lý các ngành, lĩnh vực, đóng góp vào phát triển ngành và phát triển kinh tế - xã hội. Ngay sau khi hợp nhất tỉnh, UBND tỉnh đã khẩn trương rà soát, triển khai điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đã được HĐND tỉnh thông qua vào Kỳ họp chuyên đề lần thứ Nhất, HĐND tỉnh khóa XI (ngày 26/5/2026) đảm bảo chất lượng, đồng bộ với các loại quy hoạch, phát huy hiệu quả không gian phát triển mới.

Hạ tầng giao thông được quan tâm tập trung đầu tư từ nhiều nguồn vốn, liên kết vùng nhiều dự án trọng điểm quốc gia, liên vùng, liên tỉnh, liên huyện được đầu tư, đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhu cầu đi lại, vận chuyển trong và ngoài tỉnh. Mạng lưới giao thông đường bộ được đầu tư khá đồng bộ, kết nối thông suốt từ trung tâm tỉnh đến các huyện, xã, từ đô thị đến nông thôn, từ khu vực Tây Nguyên đến khu vực ven biển và các vùng kinh tế, khu vực xung quanh. Các dự án trọng điểm như cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường ven biển Phú Yên, các tuyến liên kết vùng được triển khai đúng tiến độ, hình thành mạng lưới giao thông chiến lược kết nối vùng. Công tác quản lý, bảo trì quốc lộ, tỉnh lộ được tăng cường, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt. Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường liên thôn, liên xã được nâng cao; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa, thúc đẩy phát triển vùng sâu, vùng xa, ven biển, miền núi. Giao thông đường hàng không, đường biển, đường sắt được trung ương và địa phương chú trọng đầu tư, đang từng bước lập quy hoạch, kế hoạch để triển khai thực hiện đầu tư nâng cấp. Hệ thống cảng biển được quan tâm đầu tư. Cảng hàng không Buôn Ma Thuột và Cảng hàng không Tuy Hòa vận hành hiệu quả, sản lượng hành khách tăng qua các năm, góp phần nâng cao kết nối vùng. Hoàn thành công trình gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới ga đường sắt Xuân Sơn Nam và xây dựng một số đoạn đường gom dọc đường sắt Bắc - Nam. Dịch vụ logistics, vận tải đa phương thức từng bước hình thành, nhất là tại các khu vực ven biển và cửa ngõ giao thương của tỉnh.

Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng, có chuyển biến tích cực. Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 được tổ chức rà soát, điều chỉnh và phê duyệt đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an

ninh. Hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên được tăng cường. Cơ bản hoàn thành hệ thống thông tin đất đai toàn tỉnh; tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm 2025 đạt 41,06%. Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu được triển khai đồng bộ, tập trung vào phòng, chống thiên tai, kiểm soát sạt lở, ngập úng ven biển, ven sông. Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung được nâng cao.

*** Về phát triển kinh tế biển gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển, nhất là Khu Kinh tế Nam Phú Yên:** Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên (trước sắp xếp) đã ban hành Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 18/8/2021, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 21/12/2021 để tổ chức triển khai thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là Khu Kinh tế Nam Phú Yên để đến năm 2025 hoàn thiện nền tảng, hạ tầng kỹ thuật quan trọng của một số ngành kinh tế chủ lực, xây dựng và phát triển Khu Kinh tế Nam Phú Yên trở thành một trong những trung tâm công nghiệp, cảng biển quan trọng của vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Kết quả đến nay, đã tích hợp toàn bộ quy hoạch ngành vào quy hoạch tỉnh, trong đó chú ý về quy hoạch các địa phương ven biển, định hướng liên kết phát triển kinh tế liên vùng, liên tỉnh; tập trung nghiên cứu xây dựng mô hình kinh tế biển trọng điểm; từng bước củng cố và hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hiện đại hóa các ngành kinh tế biển quan trọng, đột phá như: Ngành thủy sản, du lịch, vận tải biển, năng lượng... Cơ sở hạ tầng giao thông, nhất là tuyến giao thông ven biển và nhiều công trình kè sông, kè biển được đầu tư xây dựng. Chú trọng phát triển du lịch biển, đẩy mạnh chuỗi sản xuất và xuất khẩu thủy sản đã nâng cao giá trị kinh tế biển. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội các địa phương vùng ven biển, vùng biển giai đoạn 2021-2025 gấp 1,4 lần so với giai đoạn trước. Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên đến năm 2040 được phê duyệt; các hạng mục hạ tầng trong Khu Kinh tế Nam Phú Yên được ưu tiên đầu tư; thu hút đầu tư vào Khu kinh tế giai đoạn 2021-2025 khoảng 25.550 tỷ đồng, gấp 03 lần thu hút đầu tư các địa phương vùng biển, ven biển.

4. Kết quả thực hiện lĩnh vực văn hóa, xã hội

4.1. Giáo dục - đào tạo:

Giáo dục đào tạo tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo, giảng dạy theo đúng tinh thần chỉ đạo, định hướng tại Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư, bước đầu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 đạt khoảng 61,69%. Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao, nội dung, phương pháp đào tạo có nhiều đổi mới, đáp ứng yêu cầu về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chăm lo, ưu tiên đầu tư. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; duy trì vững chắc, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tỉnh trung bình giai đoạn 2020-2025 đạt trên 97,4%. Giáo dục nhà trường, kết hợp giáo dục gia đình và giáo dục xã hội được chú trọng. Phát động phong trào

“*Bình dân học vụ số*”, các phong trào thi đua học tập, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được quan tâm thực hiện. Số lượng học sinh đạt giải thưởng quốc gia, khu vực tăng rõ rệt. Phát triển hệ thống các trường đại học, phân hiệu học viện, phân hiệu đại học quy mô lớn nhất trong vùng, đáp ứng nhu cầu đào tạo vùng Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia. Bên cạnh đó, việc triển khai đầu tư xây dựng các trường liên cấp tại các xã biên giới theo Thông báo Kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới được tỉnh quan tâm, ưu tiên đầu tư, thực hiện.

4.2. Về văn hóa, thể thao:

Công tác giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử được quan tâm, định hình trong từng bước phát triển. Phong trào văn hóa, văn nghệ phát triển sâu rộng; chất lượng thông tin báo chí ngày càng cao đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu thông tin, giải trí của Nhân dân. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ngày càng được chú trọng, các giá trị văn hóa truyền thống, đặc biệt là 02 di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại được UNESCO ghi danh là Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên và Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam được quan tâm bảo tồn và phát huy gắn với phát triển du lịch. Tổ chức tốt nhiều lễ hội, sự kiện văn hóa, du lịch với quy mô lớn, tạo dấu ấn trong đời sống xã hội. Hệ thống thiết chế văn hóa được tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng; hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật phát triển tích cực; đã phê duyệt công viên địa chất Phú Yên hướng đến danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO. Hệ thống cơ sở vật chất, công trình cho hoạt động thể dục thể thao được quan tâm đầu tư xây dựng. Phong trào thể dục thể thao ngày càng được Nhân dân hưởng ứng; thể thao thành tích cao có bước phát triển; đã đăng cai tổ chức thành công nhiều giải thể thao khu vực, toàn quốc, tạo điều kiện cho các vận động viên của tỉnh được thi đấu cọ sát và đạt thành tích cao tại các giải thi đấu quốc tế và khu vực.

Hệ thống các cơ quan báo chí hoạt động đúng với tôn chỉ, mục đích và quy định pháp luật; phản ánh đầy đủ và kịp thời các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đất nước, địa phương. Kịp thời thông tin phản bác các luận điệu xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước, xúc phạm danh dự, uy tín của cá nhân, tổ chức, cộng đồng.

4.3. Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân và an sinh xã hội

Công tác quản lý nhà nước về y tế tiếp tục được tăng cường, chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh được nâng cao ở các tuyến. Tổ chức bộ máy, mạng lưới y tế từ tỉnh đến huyện, xã được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả; quyết liệt thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được đầu tư và củng cố, 79,86% xã đạt bộ tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn đến 2030; phát huy tốt vai trò trong phòng, chống dịch bệnh; ứng dụng thành công các kỹ thuật mới, tiên tiến, điều trị có hiệu quả một số bệnh nặng, hiểm nghèo. Các giải pháp tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế được đẩy mạnh, có chuyển biến tích cực, hình thành nhiều cơ sở y tế tư nhân với quy mô lớn và trang thiết bị hiện đại, góp phần giảm áp lực cho hệ

thông y tế công lập. Đến cuối năm 2025, đạt 29,8 giường bệnh/1 vạn dân; 8,6 bác sỹ/1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%. Các chính sách thu hút, đãi ngộ, tuyển dụng, hỗ trợ đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sỹ được quan tâm triển khai. Công tác phòng chống dịch và công tác khám chữa bệnh trong mọi tình huống được đảm bảo. Hoạt động hành nghề y, dược tư nhân được quản lý tốt hơn. Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm được đẩy mạnh, góp phần hạn chế ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Các chương trình, đề án về bảo vệ và chăm sóc trẻ em được triển khai đồng bộ. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được triển khai hiệu quả.

Các chính sách an sinh xã hội, trợ giúp xã hội, giảm nghèo và các chính sách, giải pháp hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động và các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 được quan tâm triển khai đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, người có công với cách mạng, nạn nhân chất độc da cam được quan tâm đẩy mạnh với 8.915 căn nhà xây mới, sửa chữa và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2025.

Công tác giải quyết chế độ chính sách đối với người có công được xử lý kịp thời, đúng quy định¹³. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa đã được các ngành, các cấp quan tâm triển khai thực hiện và thu được nhiều kết quả đáng khích lệ; các chế độ chính sách được triển khai thực hiện kịp thời đầy đủ đúng chế độ quy định tạo điều kiện thuận lợi để người có công và thân nhân của họ có cuộc sống ổn định. Trong giai đoạn 2021 – 2025, toàn tỉnh đã huy động được hơn 45,3 tỷ đồng; từ nguồn quỹ huy động được đã xây mới 336 căn nhà tình nghĩa tặng cho các đối tượng chính sách có công khó khăn về nhà ở; nâng cấp sửa chữa 345 căn nhà tình nghĩa của đối tượng chính sách bị hư hỏng, xuống cấp; tặng 307 sổ tiết kiệm cho đối tượng chính sách; ngoài ra đã hỗ trợ kinh phí cho 49 người có công, thân nhân của họ gặp khó khăn trong cuộc sống (đau, ốm, bệnh tật, hỏa hoạn, thiên tai ...). Đã thực hiện điều dưỡng tập trung tại các Trung tâm Điều dưỡng Người có công đối với 2.140 người và giải quyết chế độ điều dưỡng tại nhà cho 35.445 người. Đến nay, 49/49 Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các đơn vị nhận phụng dưỡng chăm sóc suốt đời; 100% đối tượng Người có công đều được cấp thẻ Bảo hiểm y tế để khám chữa bệnh; đời sống của gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng cao, có 98,87% hộ gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú.

4.4. Về lao động, việc làm

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế được tỉnh quan tâm chỉ đạo tích cực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động; nhiều chương trình đào tạo nghề cho thanh niên, đặc biệt là học sinh sau tốt nghiệp

¹³ Sau hợp nhất, tỉnh Đắk Lắk (mới) quản lý hơn 128 nghìn hồ sơ đối tượng (đối tượng người có công, thân nhân người có công là hơn 94 nghìn hồ sơ và hơn 34 nghìn hồ sơ đối tượng liên quan khác).

Trung học cơ sở được triển khai, từng bước đáp ứng yêu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Một kết quả nổi bật là việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột (cũ) theo Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội đó là HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 quy định chính sách ưu đãi; tiêu chí xác định đối tượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt trong các lĩnh vực cần thu hút làm việc tại các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Buôn Ma Thuột.

Giai đoạn 2021-2025, công tác đào tạo nghề, dạy nghề cho lao động được quan tâm mở rộng về hình thức, quy mô và chất lượng đào tạo, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường. Công tác giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế giảm còn 61%. Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đạt 70%, trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ đạt 27%. Trong 5 năm giải quyết việc làm cho 290.930 lao động. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2025 giảm còn 2,15%.

4.5. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trong thời gian qua, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh tiếp tục có chuyển biến tích cực; các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được tỉnh đặc biệt quan tâm đầu tư, bố trí kinh phí thực hiện. Giai đoạn 2021 – 2025, tổng dự toán chi cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh là 1.329 tỷ đồng, gồm: Chi đầu tư là 548 tỷ đồng và chi thường xuyên là 781 tỷ đồng. Tính riêng năm 2025, kinh phí bố trí cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương (loại trừ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu) chiếm tỷ trọng 1,3% (479 tỷ đồng /36.940 tỷ đồng).

Cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ tiếp tục được hoàn thiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được quan tâm đầu tư. Các nhiệm vụ KHCN của tỉnh mang tính nghiên cứu ứng dụng, tập trung giải quyết những vấn đề thực tiễn trong sản xuất, đời sống và quản lý tài nguyên. Nhiều kết quả đã được làm chủ công nghệ và chuyển giao trực tiếp vào thực tế như: giống lúa mới (PY8, PY10, GSR65, GSR90), mô hình sản xuất lúa Đài Thơm 8 theo VietGAP, công nghệ nuôi tôm hùm tuần hoàn RAS, chế biến bắp ủ chua và trái cây công nghệ cao, chế phẩm sinh học tăng năng suất cây trồng. Các nghiên cứu viễn thám – GIS xây dựng bản đồ ngập lũ, đánh giá hạn hán, cùng các sáng kiến về IoT, học máy đã nâng cao năng lực dự báo và quản lý rủi ro thiên tai. Hoạt động nghiên cứu không chỉ tăng năng suất, giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, mà còn tạo sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập, bảo tồn tài nguyên, phát triển du lịch và phát triển thương hiệu địa phương.

Thị trường khoa học và công nghệ dần hình thành và bước đầu đạt được một số kết quả nhất định. Hệ thống bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ ngày càng hoàn thiện; các hoạt động hỗ trợ xây dựng, bảo vệ thương hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh được chú trọng. Chuyển đổi số, trọng tâm là xây dựng chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xây dựng

xã hội số được quan tâm đẩy mạnh. Hệ thống cơ sở dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin được tập trung đầu tư. Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk (Đắk Lắk IOC) hoạt động hiệu quả với nhiều nền tảng ứng dụng thiết thực được triển khai như Đắk Lắk trực tuyến, Đắk Lắk G, dịch vụ Phản ánh hiện trường, Hệ thống Giám sát an toàn thông tin... Hạ tầng cáp quang đến trung tâm xã đạt 100%; hạ tầng thông tin di động, Internet không dây 3G, 4G phủ đến 100% khu dân cư; 100% xã có điểm phục vụ bưu chính.

Việc triển khai các nền tảng, ứng dụng số được quan tâm đẩy mạnh, đảm bảo phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Ngày 10/7/2025, tỉnh Đắk Lắk đã ra mắt bộ ứng dụng số phục vụ mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bao gồm các ứng dụng AI bản quyền (VNPT hỗ trợ), trợ lý ảo Viettel, Dashboard giám sát điều hành trực tuyến, triển khai Đắk Lắk số và một số ứng dụng, kết nối rộng rãi qua Zalo; xây dựng và triển khai Đề án “*Mỗi xã, phường một KOL - Đưa sản vật, cảnh sắc Đắk Lắk lên không gian số*”, mỗi đồng chí Bí thư hoặc Chủ tịch UBND xã/phường sẽ là người gần dân, người dẫn dắt, có tầm ảnh hưởng, là hình mẫu đổi mới, lan tỏa những điều giá trị (KOL), trực tiếp tham gia cầm tay chỉ việc, thực hiện chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo tại cơ sở, xây dựng kinh tế số địa phương. Qua đó, góp phần đẩy nhanh quá trình thực hiện chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

4.6. Về dân tộc, tôn giáo:

Công tác dân tộc và các chính sách dân tộc được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc được chú trọng thực hiện; các chính sách, chương trình, đề án, trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025 được chú trọng thực hiện, đảm bảo trọng tâm, đúng đối tượng, qua đó góp phần cải thiện đời sống người dân, tỷ lệ hộ nghèo nói chung và tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm đáng kể qua từng năm. Giai đoạn 2021 – 2025, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 7,25%, tương ứng giảm bình quân 1,45%/năm; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 18,41%, tương ứng giảm bình quân 3,68%/năm.

Công tác tôn giáo và chính sách tôn giáo được thực hiện theo đúng pháp luật, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của Nhân dân trên địa bàn. Giải quyết kịp thời các nguyện vọng, kiến nghị hợp pháp, nhu cầu chính đáng của các tôn giáo. Chú trọng thực hiện tốt các chế độ, chính sách, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân vùng đồng bào có đạo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các chức sắc, tín đồ thực hiện phương châm sống “tốt đời, đẹp đạo”, tích cực hưởng ứng tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

5. Công tác xây dựng và thi hành pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

5.1. Công tác xây dựng và thi hành pháp luật

Công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật được tập trung

thực hiện và có nhiều đột phá, nhất là đã có bước đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị. Với tinh thần đó, tỉnh luôn xác định xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên của các sở, ban, ngành, địa phương; khẩn trương sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”.

Sau hợp nhất tỉnh, công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL trong tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh được thực hiện tích cực, kịp thời để chính quyền mới đi vào hoạt động thông suốt, hiệu quả, không gián đoạn. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát các văn bản QPPL của tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao còn hiệu lực (của tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Phú Yên (trước đây)) để tham mưu áp dụng theo khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; theo đó, các sở, ban, ngành đã hoàn thành việc rà soát văn bản, trên cơ sở đó tham mưu ban hành các văn bản hành chính để áp dụng và bãi bỏ các văn bản của HĐND, UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và HĐND, UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) theo đúng chỉ đạo (12 nghị quyết, 14 quyết định và 10 thông báo). Đồng thời, các sở, ban, ngành ở tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan đã xây dựng và gửi Sở Tư pháp thẩm định đối với 122 lượt dự thảo văn bản QPPL của tỉnh; trên cơ sở đó, HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều văn bản QPPL mới để triển khai thực hiện đồng bộ trên phạm vi tỉnh Đắk Lắk (27 Nghị quyết của HĐND tỉnh; 57 Quyết định của UBND tỉnh; 02 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh); ngoài ra, nhiều dự thảo văn bản QPPL của tỉnh đang được các cơ quan tham mưu nghiên cứu, hoàn thiện để trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định.

Trong các văn bản QPPL của tỉnh đã chú trọng các văn bản phục vụ việc tổ chức, sắp xếp, bảo đảm cho các cơ quan, đơn vị của tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt; tăng cường hướng dẫn, giải đáp những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; văn bản hướng dẫn công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế cho sở, ban, ngành và chính quyền cấp xã hướng dẫn về quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL, xác định hình thức văn bản về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn sau sắp xếp tổ chức... từ đó, giải quyết những vướng mắc, bất cập khi triển khai nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

5.2. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Trong thời gian qua, tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy, biên chế, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; việc điều động, sắp xếp cán bộ đảm bảo đúng quy trình và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về công tác tổ chức

cán bộ; công tác khen thưởng các tập thể, cá nhân được thực hiện kịp thời. Công tác xây dựng chính quyền, quản lý địa giới hành chính và công tác thanh niên được thực hiện theo đúng quy định.

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính là kết quả nổi bật và là nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong giai đoạn, đặc biệt là năm 2024-2025. Theo đó, trước khi hợp nhất, cả hai tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên đã quyết liệt triển khai rà soát, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập và thôn, buôn, tổ dân phố đảm bảo yêu cầu đề ra¹⁴. Sau hợp nhất (năm 2025), tỉnh Đắk Lắk đã hoàn thành việc hợp nhất 26 cơ quan chuyên môn (Sở) của hai tỉnh cũ để thành lập 13 Sở thuộc UBND tỉnh mới. Qua đó, đã giảm 81/189 đầu mối tổ chức bên trong các Sở, đạt tỷ lệ giảm 42,87%. Đồng thời, thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp, đã kết thúc hoạt động của 240 phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (cũ). Công tác quản lý và tinh giản biên chế được tập trung thực hiện nghiêm túc theo đúng chủ trương của Trung ương về tinh giản biên chế (tinh giản) tại Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, với mục tiêu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, nhìn chung các địa phương đã nhanh chóng bắt nhịp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đã ban hành các văn bản thành lập các đơn vị thuộc HĐND, UBND xã, phường, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc HĐND, UBND xã; ban hành các quyết định bổ nhiệm các chức danh theo quy định, bố trí đủ công chức, viên chức tại các phòng, ban và Trung tâm phục vụ hành chính công của xã, phường để kiện toàn tổ chức, bộ máy, giúp bộ máy của chính quyền địa phương xã, phường đi vào hoạt động ổn định; tập trung đảm bảo các điều kiện về trụ sở, cơ sở hạ tầng và các điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, không làm gián đoạn việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước từng bước được nâng cao, nhất là tại cấp cơ sở; việc phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh theo hướng tăng tính chủ động cho cấp xã, góp phần rút ngắn quy trình xử lý công việc, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh luôn được tập trung chỉ đạo quyết liệt, bám sát Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ và các mục tiêu tại Kế hoạch số 11665/KH-UBND (Đắk Lắk cũ) và Chương trình số 06/CTr-UBND (Phú Yên cũ). Công tác chỉ đạo, điều hành được triển khai đồng bộ, thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Công tác tuyên truyền thực hiện đa dạng, phong phú qua nhiều kênh, bao gồm chương trình “*Dân hỏi - Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước trả lời*”, Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu CCHC, góp phần nâng cao nhận thức và sự tham gia của người dân, doanh nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra CCHC được tăng cường, đổi mới. Sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh đã kịp thời tổ chức các

¹⁴ Tỉnh Đắk Lắk (cũ) tính đến năm 2024 đã giảm 141 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015. Tỉnh Phú Yên (cũ) cũng tích cực sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp. Về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã, tỉnh Đắk Lắk (cũ) đã thực hiện sáp nhập thôn, buôn (đợt 2, đợt 3); tỉnh Phú Yên (cũ) hoàn thành sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025, giảm 72 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ 67,92%)

đoàn khảo sát thực tế, nắm bắt khó khăn tại cơ sở, bảo đảm hoạt động hành chính không bị gián đoạn. Tuy nhiên, đánh giá của người dân, doanh nghiệp về kết quả cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh thông qua các chỉ số PAR Index, Sipas, PCI chưa có nhiều cải thiện, kết quả năm 2025 dưới mức trung bình cả nước¹⁵.

6. Tình hình đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược, đề án, kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, đặc biệt là Đề án tiếp tục sắp xếp tổ chức quân sự địa phương “*tinh, gọn, mạnh*”. Nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và nền biên phòng toàn dân tiếp tục được củng cố vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu giao. Tổ chức và chỉ đạo diễn tập ở các cấp hoàn thành tốt trở lên. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, có số lượng hợp lý và chú trọng chất lượng chính trị, tổ chức tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, góp phần ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Giai đoạn 2021 - 2025, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19, thiên tai, biến đổi khí hậu, nhưng tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn phát triển theo hướng tích cực, tăng trưởng kinh tế đạt khá và đạt được kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng ổn định, tiếp tục đóng vai trò trụ đỡ để phát triển kinh tế và ổn định xã hội, góp phần làm tăng thu nhập của người dân trên địa bàn. Sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh từng bước vượt qua khó khăn, tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá so với giai đoạn 2016-2020 và cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Doanh nghiệp có bước phát triển mạnh về số lượng và quy mô.

Tình hình thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh phục hồi và phát triển tích cực sau thời gian dài bị suy giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 (*năm 2024 tăng 17% so với năm trước, năm 2025 tăng 28%*). Huy động vốn đầu tư vào nền kinh tế cơ bản đáp ứng nhu cầu đầu tư, phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế; kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư, từng bước được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch được chú trọng, đảm bảo tính thống nhất giữa các quy hoạch.

¹⁵ Năm 2025, Chỉ số PCI của tỉnh đạt 62,46 điểm, xếp thứ 23/34 tỉnh, thành phố trên cả nước, thuộc nhóm điều hành “dưới mức khá”; Chỉ số Par INDEX đạt 89,38/100 điểm, xếp vị thứ 22/34 tỉnh, thành phố (dưới mức trung bình là 89,96%); Chỉ số SIPAS năm 2025 của tỉnh Đắk Lắk đạt 81,53%, xếp vị thứ 26/34 tỉnh, thành phố (trung bình chung của cả nước 83,09%).

Các chế độ, chính sách hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19, giảm nghèo, người có công được triển khai đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả; an sinh xã hội được đảm bảo; chất lượng giáo dục, y tế và đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân được nâng lên. Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế tiếp tục khởi sắc và phát triển, hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng trên một số lĩnh vực. Cải cách hành chính được chú trọng; hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo điều hành của bộ máy chính quyền các cấp được nâng lên rõ rệt; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo; quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, giữ vững.

2. Một số tồn tại, hạn chế và những điểm nghẽn cần tập trung tháo gỡ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng phát triển; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa đạt hiệu quả theo mục tiêu, định hướng. Cơ cấu nguồn thu thiếu ổn định và chưa thực sự vững chắc. Nông nghiệp tuy tăng trưởng nhưng còn nhiều yếu tố thiếu bền vững. Tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng chưa đạt kỳ vọng, còn thiếu tính ổn định. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa đồng bộ, tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường chưa đạt kế hoạch đề ra; mạng lưới giao thông còn nhiều hạn chế, phát triển đô thị và quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản, đất đai, môi trường còn bất cập; thương mại - dịch vụ phát triển và có mức tăng trưởng khá, nhưng đóng góp vào cơ cấu kinh tế còn thiếu ổn định. Quy mô, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn, doanh nghiệp lớn. Năng lực cạnh tranh của ngành du lịch chưa cao, chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ còn hạn chế. Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số vẫn còn khoảng cách xa so với mục tiêu đề ra. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư chưa thực sự hiệu quả; tiến độ triển khai các dự án ngoài ngân sách còn chậm. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ một số dự án quan trọng và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác còn chồng chéo, thiếu đồng bộ. Tình trạng vi phạm pháp luật về đất đai, khoáng sản còn diễn ra, một số trường hợp chưa được phát hiện xử lý kịp thời, dứt điểm.

Lĩnh vực, giáo dục - đào tạo chưa thật sự quan tâm, đầu tư xứng tầm để thực hiện định hướng xây dựng và phát triển con người Đắk Lắk toàn diện, bản sắc. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học chưa theo kịp yêu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhân lực y tế của tỉnh vẫn còn thiếu hụt cả về số lượng và chất lượng; cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế còn thiếu, chưa đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Chưa có nhiều cơ chế, chính sách hiệu quả nhằm khai thác, phát huy các giá trị văn hóa. Các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cấp xã còn nhiều hạn chế, chưa được đầu tư đồng bộ. Tỷ lệ hộ nghèo, đặc biệt là tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao.

3. Nguyên nhân chủ yếu

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Tình hình kinh tế - chính trị thế giới biến động rất nhanh, mạnh, phức tạp, chưa có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo, nhất là ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu ngày càng tăng, thiên tai, bão lũ; các cuộc xung đột, chiến tranh ở một số khu vực kéo dài, kinh tế toàn cầu tăng trưởng thấp, lạm phát tăng cao, thương mại và đầu tư toàn cầu suy giảm, sự thay đổi chính sách của các quốc gia... Niềm tin vào thị trường của nhà đầu tư, doanh nghiệp suy giảm, tâm lý xã hội thiếu ổn định.

- Về mặt thể chế, một số văn bản pháp luật lĩnh vực tài nguyên môi trường có sự thay đổi, văn bản hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Bộ, ngành còn chậm ban hành, đã gây lúng túng cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện và khó khăn trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư. Bên cạnh đó, hiện nay, tỉnh còn quỹ đất từ các nông lâm trường chuyển giao về cho các địa phương quản lý, là điều kiện thu hút các dự án phát triển nông lâm nghiệp, tuy nhiên việc triển khai các thủ tục liên quan còn phức tạp, kéo dài đã ảnh hưởng đến kết quả thu hút đầu tư, huy động vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Việc thu hút nguồn lực cho đầu tư hạ tầng công nghiệp, thương mại cũng gặp khó khăn và chưa được triển khai theo đúng kế hoạch. Nguồn vốn đầu tư công của tỉnh còn nhiều khó khăn, phụ thuộc nhiều vào Trung ương trong khi nhu cầu đầu tư của địa phương lại quá lớn nên chưa thể đáp ứng yêu cầu đề ra. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương, phần lớn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất nhưng việc thu tiền sử dụng đất còn chậm nên thiếu vốn để thực hiện giải ngân cho các dự án. Một số chủ đầu tư chưa thực sự chủ động kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện; Công tác phối hợp còn chưa thật sự tích cực. Công tác chuẩn bị đầu tư chưa tốt, kéo dài, thiếu chủ động; thực tế triển khai các dự án phát sinh nhiều vướng mắc, đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng, hầu hết các dự án Giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị trong quá trình triển khai đều vướng công tác đền bù GPMB do chưa chủ động được khu tái định cư.

- Các ngành hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng khá nghiêm trọng, cụ thể: chuỗi cung ứng bị gián đoạn; một số đơn hàng giảm mạnh; chi phí sản xuất tăng cao; đặc biệt chịu ảnh hưởng trực tiếp là các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng, du lịch, dịch vụ giao thông vận tải, một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn như vận tải kho bãi, lưu trú, ăn uống, nghệ thuật, vui chơi, giải trí, du lịch giảm mạnh. Doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, giải thể tăng cao; việc thực hiện chính sách chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp chưa đạt kết quả như mong đợi do một số cơ chế, chính sách hỗ trợ chưa rõ ràng, dẫn đến khó khăn trong áp dụng pháp luật và nguồn kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ DN của địa phương còn hạn chế,... đã làm cho các tổ chức, cá nhân thiếu động lực để đăng ký thành lập doanh nghiệp mới.

- Một số dự án lớn có thu tiền sử dụng đất thực hiện các thủ tục đấu giá, đấu thầu cần rất nhiều thời gian; các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn,

vướng mắc; hạ tầng kỹ thuật tại một số dự án khu dân cư chưa được hoàn thiện nên chưa đủ điều kiện tổ chức đấu giá; giá khởi điểm tại các dự án đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật còn cao, thị trường bất động sản còn trầm lắng nên chưa thu hút được người mua, tham gia đấu giá.

- Tình trạng đồng bào trong tỉnh di cư nội vùng, đồng bào dân tộc thiểu số di cư tự do đến địa bàn tỉnh chưa được kiểm soát chặt chẽ đã tạo ra áp lực, khó khăn rất lớn cho việc quản lý, bảo vệ rừng, quản lý, bảo vệ đất đai. Cơ chế chính sách đặt hàng bảo vệ rừng tự nhiên theo Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ chính trị chưa ban hành cụ thể; nguồn vốn đầu tư của Trung ương cho các chương trình quản lý, bảo vệ, phát triển rừng bền vững, khôi phục rừng tự nhiên còn rất thấp so với nhu cầu thực tế của tỉnh.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Việc nắm bắt và dự báo tình hình chưa sát; việc xây dựng kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 còn cao so với tình hình thực tế do xây dựng tại thời điểm chưa có dịch COVID-19 xảy ra; phản ứng chính sách của một số cơ quan, địa phương còn chậm, chưa kịp thời, chưa tận dụng hết các cơ hội phục hồi và phát triển từ bên trong và bên ngoài. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành ở một số cấp, một số ngành, địa phương có lúc chưa chủ động; năng lực chỉ đạo, điều hành của cán bộ lãnh đạo ở một số cơ quan, đơn vị chưa tập trung đúng mức cho việc chỉ đạo các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, chưa tập trung mạnh mẽ vào những khâu quan trọng có tính quyết định. Việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý, nhất là những vấn đề phát sinh mới trong một số trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; có lúc, có nơi còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, ngại khó. Công tác phối hợp giữa các Sở, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị có lúc, có nơi chưa đồng bộ, chặt chẽ. Một số thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, phức tạp. Tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm, sợ sai trong một số trường hợp chưa được khắc phục hiệu quả. Việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách chưa được cụ thể hóa kịp thời.

4. Bài học kinh nghiệm

Qua thực tiễn triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh giai đoạn 2021 – 2025, trong bối cảnh chịu tác động của đại dịch COVID-19, biến động kinh tế thế giới, thiên tai, biến đổi khí hậu và đặc biệt là việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, hợp nhất tỉnh, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

Thứ nhất, giữ vững sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của UBND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành là yếu tố quyết định để vượt qua khó khăn, thách thức, bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu phát triển. Trong quá trình điều hành cần bám sát chủ trương của Trung ương, đồng thời chủ động dự báo, kịp thời điều chỉnh giải pháp phù hợp với diễn biến thực tiễn của địa phương.

Thứ hai, phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng truyền thống đồng thời chủ động hình thành các động lực tăng trưởng mới. Thực tiễn giai đoạn vừa qua cho thấy nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò là trụ đỡ của nền kinh tế trong

những thời điểm khó khăn; đầu tư công giữ vai trò dẫn dắt, tạo sức lan tỏa đối với đầu tư xã hội; khu vực kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong huy động nguồn lực và tạo việc làm. Đây là những nền tảng cần tiếp tục được phát huy, đồng thời phải đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, logistics, kinh tế biển, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo để nâng cao chất lượng tăng trưởng trong giai đoạn tới.

Thứ ba, công tác quy hoạch phải đi trước một bước và gắn chặt với huy động, phân bổ nguồn lực phát triển. Việc hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh sau hợp nhất đã tạo cơ sở quan trọng cho việc tổ chức lại không gian phát triển, thu hút đầu tư và phát huy lợi thế của từng vùng. Thực tiễn cho thấy, nơi nào quy hoạch rõ, hạ tầng được đầu tư đồng bộ và cải cách thủ tục hành chính được thực hiện tốt thì khả năng thu hút đầu tư và phát triển kinh tế cao hơn.

Thứ tư, phát triển phải dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng vùng, đồng thời tăng cường liên kết giữa các khu vực trong tỉnh và liên kết vùng. Sau hợp nhất, tỉnh Đắk Lắk có điều kiện hình thành không gian phát triển mới kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ, tạo lợi thế trong phát triển chuỗi giá trị từ vùng nguyên liệu, công nghiệp chế biến đến hệ thống logistics, cảng biển và xuất khẩu. Đây là lợi thế đặc thù cần được khai thác hiệu quả thông qua phát triển hạ tầng kết nối, tổ chức lại không gian kinh tế và tăng cường liên kết giữa các địa phương trong tỉnh.

Thứ năm, cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là điều kiện quan trọng để nâng cao năng lực quản trị địa phương. Thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp và quá trình hợp nhất tỉnh cho thấy yêu cầu đổi mới phương thức quản lý, tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số là yếu tố quyết định nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ sáu, phát triển kinh tế phải gắn với bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa, củng cố quốc phòng, an ninh và tăng cường khả năng thích ứng trước các rủi ro. Những kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, quản lý tài nguyên, bảo vệ rừng, ứng phó với thiên tai và bảo đảm quốc phòng, an ninh đã góp phần tạo nền tảng ổn định để phát triển bền vững. Đây là yêu cầu xuyên suốt cần tiếp tục được quán triệt trong quá trình xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026–2030.

Thứ bảy, việc thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính và hợp nhất tỉnh đã mở ra không gian phát triển mới nhưng cũng đặt ra yêu cầu phải đổi mới mạnh mẽ tư duy quản trị, tổ chức phát triển và phân bổ nguồn lực. Thực tiễn bước đầu cho thấy, việc khai thác hiệu quả lợi thế bổ trợ giữa khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ không chỉ phụ thuộc vào quy mô địa giới hành chính mà quan trọng hơn là khả năng tích hợp quy hoạch, kết nối hạ tầng, thống nhất cơ chế quản lý và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn tỉnh. Đây là bài học có ý nghĩa chiến lược, định hướng cho việc xây dựng và tổ chức thực

hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 – 2030.

Những kết quả đạt được trong giai đoạn 2021–2025 đã tạo nền tảng quan trọng để tỉnh Đắk Lắk bước vào giai đoạn phát triển mới sau hợp nhất. Tuy nhiên, yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới đòi hỏi tỉnh phải đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy nhanh chuyển đổi số, phát triển công nghiệp chế biến, logistics và kinh tế biển, tạo động lực tăng trưởng mới cho giai đoạn 2026 – 2030.

Phần thứ hai

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH 5 NĂM 2026 – 2030

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Trong thời gian tới, dự báo tình hình thế giới tiếp tục có sự chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường; chiến tranh, xung đột xảy ra giữa một số quốc gia cùng với chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh thương mại gia tăng đi đôi với xu hướng điều chỉnh chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự phát triển và ứng dụng rộng rãi của công nghệ mới, nhất là trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng đang trở thành xu thế tất yếu, tạo thời cơ, thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít thách thức, khó khăn. Những vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt, khó dự báo. Đất nước có sự đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về tư duy phát triển trên tất cả các lĩnh vực; các đột phá chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm về hoàn thiện thể chế, phát triển kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, cuộc cách mạng về mô hình tổng thể và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả...

Đối với tỉnh Đắk Lắk, bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 – 2030, tỉnh Đắk Lắk sau hợp nhất có cơ hội lớn để bứt phá nhờ không gian phát triển được mở rộng, quy mô kinh tế lớn hơn, hệ thống hạ tầng liên kết ngày càng hoàn thiện và sự hỗ trợ giữa lợi thế Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ. Đây là điều kiện thuận lợi để hình thành các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến logistics, xuất khẩu; phát triển mạnh kinh tế biển, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch. Tuy nhiên, tỉnh cũng đối mặt với nhiều thách thức như yêu cầu tích hợp quy hoạch, hoàn thiện kết cấu hạ tầng liên vùng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới mô hình quản trị sau hợp nhất và thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc phát huy hiệu quả các lợi thế mới, đồng thời khắc phục những điểm nghẽn nêu trên sẽ quyết định khả năng hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và xây dựng Đắk Lắk trở thành cực tăng trưởng quan trọng của khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ trong giai đoạn tới.

II- MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Phấn đấu đến năm 2030, xây dựng và phát triển Đắk Lắk trở thành tỉnh phát triển năng động của cả nước; trở thành trung tâm phát triển kinh tế xanh và trung tâm dịch vụ logistics, y tế, giáo dục, du lịch, văn hóa - thể thao và khoa học - công nghệ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; là điểm đến độc đáo, đặc sắc, hấp dẫn đối với khách du lịch trong nước và quốc tế. Hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh được đầu tư đồng bộ, hiện đại, bảo đảm kết nối thuận lợi trong nội tỉnh, liên vùng và quốc tế. Mô hình tăng trưởng tiếp tục được đổi mới theo hướng dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và kinh tế biển; nâng cao năng suất lao động và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển nhanh và bền vững.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

Hệ thống các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 – 2030 chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Báo cáo này.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh giai đoạn 2026-2030, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế “hai con số”, tỉnh tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo 05 định hướng đột phá, gồm: (1) hoàn thiện thể chế, xây dựng nền hành chính hiện đại, quản trị số, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; (2) huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, nhất là hạ tầng giao thông, logistics, khu kinh tế và hạ tầng số; (3) phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu; (4) phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên, đô thị Buôn Ma Thuột và các hành lang kinh tế trở thành các cực tăng trưởng, tạo sức lan tỏa cho toàn tỉnh; (5) phát triển mạnh kinh tế tư nhân, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế biển và công nghiệp chế biến sâu, tạo động lực tăng trưởng mới.

Trên cơ sở đó, tỉnh tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

1. Tổ chức lại không gian phát triển, khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế của tỉnh

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (điều chỉnh) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; khẩn trương hoàn thành lập quy hoạch chung cấp xã trước 30/9/2026 và hoàn thành điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu theo quy định, bảo đảm đồng bộ, thống nhất giữa các loại quy hoạch, tạo cơ sở thu hút đầu tư và khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển.

Tổ chức không gian phát triển theo 03 vùng kinh tế, 03 hành lang kinh tế, 02 trung tâm động lực và 03 cực tăng trưởng; mở rộng liên kết vùng - ngành, khai thác hiệu quả các hành lang kinh tế Đông - Tây, Bắc - Nam phía Đông, Bắc - Nam phía Tây và xuyên vùng nhằm hình thành các chuỗi giá trị liên kết chặt chẽ, kết nối hiệu quả với các địa phương và các vùng lân cận; hoàn thiện hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ gắn chặt chẽ với 3 hành lang kinh tế để tạo không gian phát triển mới.

Ưu tiên phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên trở thành cực tăng trưởng của tỉnh và khu vực. Phát triển hệ thống đô thị theo mô hình đô thị trung tâm - đô thị vệ tinh, trong đó phát triển Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm của tỉnh và là hạt nhân phát triển vùng Tây Nguyên về thương mại, logistics, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục và y tế; quan tâm kêu gọi đầu tư phát triển các dự án đô thị, thương mại, dịch vụ nhằm khai thác hiệu quả các trục giao thông và các khu vực có tiềm năng phát triển (*như hình thành các cụm đô thị hạt nhân kiểu mẫu ở hai bên tuyến đường Võ Nguyên Giáp; khu đô thị hành lang suối Ea Nao - Ea Tam,...*). Đồng thời, phát triển đô thị Tuy Hòa – Đông Hòa, đô thị Sông Cầu và các vùng phụ cận là cực tăng trưởng phía Bắc – Nam của tỉnh, trở thành trung tâm phát triển kinh tế biển, du lịch, thương mại, dịch vụ chất lượng cao, logistics và tăng cường liên kết vùng nhằm tạo động lực và sức lan tỏa cho toàn tỉnh. Hình thành các trung tâm logistics, khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với hệ thống cảng biển, cảng hàng không và các tuyến giao thông chiến lược, tạo mạng lưới liên kết vùng đồng bộ.

Khai thác hiệu quả lợi thế về vị trí kết nối vùng, không gian phát triển, tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái rừng - biển, cảng biển, cửa khẩu, nguồn nhân lực và bản sắc văn hóa; phát huy vai trò là đầu mối kết nối giữa Tây Nguyên với Duyên hải Nam Trung Bộ, Hành lang kinh tế Đông - Tây và Biển Đông; tăng cường liên kết vùng, mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế, thúc đẩy phát triển logistics, kinh tế biển và các ngành có lợi thế cạnh tranh.

Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, gồm công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, năng lượng, nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao gắn với vùng nguyên liệu và chế biến sâu, thương mại, logistics, kinh tế biển, du lịch và dịch vụ hiện đại; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chủ yếu để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành

Đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với không gian phát triển mới và yêu cầu tăng trưởng “*hai con số*”. Tổ chức triển khai hiệu quả bộ tiêu chí đánh giá văn bản quy phạm pháp luật sau ban hành, chuyển mạnh từ tư duy “*tốt trong văn bản*” sang “*tốt trong cuộc sống*”; chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên, môi trường, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận

lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình theo nguyên tắc *“địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”*. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, liêm chính, năng động; có cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng quản trị hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, lấy kết quả, sản phẩm và mức độ hài lòng làm thước đo hiệu quả. Thực hiện quản trị trên nền tảng số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; xây dựng hệ thống Dashboard theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo thời gian thực. Hoàn thiện hệ thống phần mềm theo dõi, đánh giá công chức theo KPI, bảo đảm kết nối, liên thông với các hệ thống điều hành, quản lý văn bản và giao nhiệm vụ; xây dựng và áp dụng KPI thực chất, gắn với vị trí việc làm, kết quả thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của từng cán bộ, công chức.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình giải quyết công việc, nhất là các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, quy hoạch, môi trường và thuế; nâng cao chất lượng Trung tâm Phục vụ hành chính công, mở rộng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu, giảm tối đa việc người dân, doanh nghiệp phải cung cấp lại thông tin đã có trong hệ thống.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công, đất đai và tài nguyên; xử lý dứt điểm các dự án chậm tiến độ, sử dụng đất kém hiệu quả; tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

3. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng chiến lược

Cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững, mở rộng cơ sở thu và phát triển nguồn thu mới; quản lý, khai thác hiệu quả đất đai, tài nguyên và tài sản công. Cơ cấu lại chi ngân sách địa phương theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên, ưu tiên chi đầu tư phát triển và bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu đến năm 2030 tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương đạt tối thiểu 35%; tăng cường kỷ luật tài chính, không đầu tư dàn trải, kéo dài; tập trung nguồn lực cho các công trình, dự án trọng điểm có sức lan tỏa.

Rà soát, xử lý dứt điểm các vướng mắc về pháp lý, đất đai, đầu tư, quy hoạch và khoáng sản, ưu tiên giai đoạn 2026 - 2028; xây dựng phương án xử lý các dự án chậm triển khai, sử dụng đất kém hiệu quả và các dự án thuộc các công ty nông, lâm nghiệp; xây dựng phương án xử lý phù hợp, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, tạo quỹ đất sạch và điều kiện thuận lợi để thu hút nhà đầu tư có năng lực, phát huy hiệu quả các nguồn lực phát triển. Thực hiện rà soát, xử lý triệt để tài sản công, cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính; kiên quyết xử lý

dứt điểm các dự án tồn đọng, kéo dài có nguy cơ gây lãng phí nguồn lực nhà nước và xã hội.

Huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư toàn xã hội; phát huy vai trò dẫn dắt, vốn môi của đầu tư công để thúc đẩy hợp tác công tư (PPP), thu hút đầu tư tư nhân, FDI, ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác, ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng, các dự án động lực và các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, lựa chọn dự án và phân bổ vốn đầu tư công trung hạn phù hợp với Quy hoạch tỉnh và khả năng cân đối nguồn lực; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng, vật liệu xây dựng; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn.

Phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng theo Quy hoạch tỉnh, bảo đảm hạ tầng đi trước một bước, tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường liên kết vùng. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, ưu tiên phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, hạ tầng xã hội và hạ tầng số.

Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, tập trung vào hạ tầng giao thông, năng lượng, thủy lợi, đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, logistics, thương mại và dịch vụ. Tập trung nguồn lực triển khai các dự án động lực có sức lan tỏa lớn, gồm đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh; kiến nghị Trung ương sớm đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02), đoạn Pleiku - Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa; đầu tư, nâng cấp Quốc lộ 29; đẩy nhanh hoàn thiện thủ tục đầu tư tuyến cao tốc Phú Yên - Đắc Lắc (CT.23), đoạn Phú Yên - Buôn Hồ trong giai đoạn trước năm 2030. Ưu tiên nguồn lực thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và chuẩn bị đầu tư các dự án theo thẩm quyền; quan tâm đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối cao tốc, phân đầu đến năm 2030 hoàn thành đầu tư các nút giao với các tuyến cao tốc hiện có qua địa bàn tỉnh¹⁶, đồng thời tại các nút giao với tuyến cao tốc CT.02 và CT.23, rà soát quy hoạch để phát triển các trung tâm logistics, khu, cụm công nghiệp,... gắn kết với các khu vực động lực và cực tăng trưởng của tỉnh. Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng Khu kinh tế Nam Phú Yên, các khu, cụm công nghiệp, trung tâm logistics, ICD, cảng cạn, trung tâm giao dịch và xuất khẩu nông sản; tạo quỹ đất sạch để thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng và dịch vụ logistics.

Phát triển hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, ưu tiên đầu tư hệ thống giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ, hạ tầng an sinh xã hội, nhà ở xã hội và các công trình bảo vệ môi trường; quan tâm đầu tư, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trung tâm y tế, nhất là tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp và các địa bàn còn khó khăn; phát triển các thiết chế văn hóa, trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải,

¹⁶ 04 nút giao với Cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột, 04 nút giao với Cao tốc Bắc – Nam phía Đông.

góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân và bảo đảm phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội.

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, làm nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện và đổi mới mô hình tăng trưởng; tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông, trung tâm dữ liệu, nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung và các hệ thống phục vụ quản trị, điều hành theo thời gian thực; phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ công.

4. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

a) Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế

Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chuyển mạnh từ phát triển chủ yếu dựa vào vốn đầu tư, khai thác tài nguyên và lao động sang phát triển dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nguồn nhân lực chất lượng cao và tăng trưởng xanh; nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn với cơ cấu lại các khu vực kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững và phát huy hiệu quả các lợi thế của tỉnh.

Tập trung hoàn thiện các nền tảng của mô hình tăng trưởng mới, nhất là cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển hạ tầng số, dữ liệu số và kinh tế số; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các ngành, lĩnh vực.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế, động lực tăng trưởng mới; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; khuyến khích hình thành, phát triển các hợp tác xã số; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; thu hút đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao và các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng lớn.

Thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp và sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng; phát triển các ngành kinh tế xanh gắn với lợi thế về rừng và biển, thúc đẩy thị trường carbon, tín chỉ carbon, dịch vụ hệ sinh thái, công nghiệp môi trường, năng lượng sạch, tài chính xanh và các mô hình sản xuất, tiêu dùng bền vững, góp phần nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, chế biến sâu và gắn với chuỗi giá trị

Cơ cấu lại các ngành sản xuất công nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và nâng cao giá trị gia tăng; ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, công nghiệp năng lượng,

công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao và các ngành gắn với kinh tế biển. Thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, ít phát thải, có khả năng tham gia và dẫn dắt chuỗi cung ứng; hình thành các ngành/sản phẩm công nghiệp chủ lực của địa phương.

Triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương và chương trình, kế hoạch của tỉnh về phát triển năng lượng, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tổ chức triển khai đúng tiến độ các dự án nguồn điện và lưới điện theo quy hoạch; khuyến khích phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, hydro và amoniac xanh gắn với các tổ hợp công nghiệp năng lượng - hóa chất, phù hợp định hướng của Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và Quy hoạch tỉnh, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

Hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn gắn với chế biến nông lâm thủy hải sản. Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan (như thương mại, du lịch...). Chú trọng công tác khuyến công, tập trung hỗ trợ phát triển sản phẩm lưu niệm, đặc sản và các sản phẩm có thể mạnh của tỉnh. Đẩy mạnh giới thiệu, quảng bá các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và sản phẩm OCOP của tỉnh.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, ưu tiên hỗ trợ đầu tư công trình hạ tầng bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý khí thải, kiểm soát tiếng ồn, đảm bảo 100% cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Đẩy mạnh thu hút đầu tư và sớm hoàn thành, khai thác hiệu quả các khu, cụm công nghiệp trọng điểm: Hoàn thành Khu công nghiệp Hòa Tâm gắn với bến cảng Bãi Gốc; phát triển Khu công nghiệp Công nghệ cao để thu hút các ngành công nghệ cao, điện tử, phần mềm, IoT, công nghiệp số; đầu tư mở rộng Khu công nghiệp Hòa Phú giai đoạn 2, Khu công nghiệp Phú Xuân và các khu, cụm công nghiệp khác theo quy hoạch.

Đề xuất mở rộng Khu kinh tế Nam Phú Yên và tập trung nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên. Quan tâm kêu gọi các nhà đầu tư vào các khu chức năng; logistics; công nghiệp công nghệ cao gắn với hạ tầng giao thông cao tốc, các cảng sân bay, cảng cạn, cảng nước sâu. Xây dựng, phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp tạo động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

c) Phát triển thương mại, dịch vụ, logistics và kinh tế biển:

Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở liên kết không gian du lịch rừng - biển, cao nguyên - duyên hải, văn hóa - sinh thái - nghỉ dưỡng. Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, Nghệ thuật Bài chòi, văn hóa cà phê, Công viên địa chất, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch biển và nghỉ dưỡng cao cấp; hình thành thương hiệu du lịch Đắk Lắk có sức cạnh tranh trong nước và quốc tế.

Xây dựng chiến lược quảng bá, xúc tiến và hợp tác phát triển du lịch; mở rộng liên kết với các địa phương trong nước, các nước thuộc hành lang kinh tế Đông - Tây, Tiểu vùng Mê Kông mở rộng và ASEAN; tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp và các khu, điểm du lịch để hình thành các tour, tuyến và chuỗi sản phẩm du lịch đặc sắc.

Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, văn minh, đồng bộ giữa thương mại truyền thống và thương mại điện tử. Xây dựng hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối, trung tâm phân phối và kho vận phù hợp với quy mô thị trường mới của tỉnh; tăng cường kết nối cung - cầu, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do; đẩy mạnh chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại, phát triển thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt.

Phát triển dịch vụ logistics trở thành ngành dịch vụ quan trọng, hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu và liên kết vùng. Ưu tiên hình thành các trung tâm logistics gắn với Khu kinh tế Nam Phú Yên, cảng biển, sân bay, đường sắt, cao tốc và các vùng sản xuất tập trung; phát triển vận tải đa phương thức, logistics nông sản, thủy sản và chuỗi cung ứng lạnh; tăng cường kết nối giữa Tây Nguyên với hệ thống cảng biển, Khu kinh tế Vân Phong và các trung tâm kinh tế lớn, từng bước đưa tỉnh trở thành đầu mối logistics của khu vực. Đồng thời, chuẩn bị cơ sở hạ tầng và các điều kiện cần thiết để hình thành khu thương mại tự do gắn với cảng biển nước sâu khi đáp ứng yêu cầu.

Phát triển kinh tế biển xanh, hiện đại và bền vững trở thành một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của tỉnh; phát huy lợi thế không gian cao nguyên - biển, xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên trở thành cực tăng trưởng, trung tâm công nghiệp, dịch vụ, logistics và cảng biển của tỉnh và khu vực. Phát triển đồng bộ các ngành kinh tế biển, trọng tâm là công nghiệp ven biển, dịch vụ cảng biển, logistics, nuôi biển công nghệ cao, khai thác và chế biến thủy sản, du lịch biển, năng lượng tái tạo và đô thị ven biển; thúc đẩy liên kết giữa vùng nguyên liệu, công nghiệp chế biến với cảng biển và thị trường xuất khẩu, hình thành chuỗi giá trị kinh tế cao nguyên - biển. Quản lý, khai thác bền vững tài nguyên và không gian biển; bảo tồn hệ sinh thái biển, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo.

d) Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiện đại, giá trị gia tăng cao

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, phát thải thấp, gắn với chế biến, bảo quản, logistics, thương mại và thị trường tiêu thụ. Xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh, vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn, có mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; ưu tiên các sản phẩm có lợi thế như cà phê, sầu riêng, hồ tiêu, cao su, cây ăn quả, dược liệu, chăn nuôi, cá ngừ, tôm hùm và các sản phẩm thủy sản giá trị cao.

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến sâu nông, lâm, thủy sản, giảm tỷ trọng xuất khẩu thô; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ bảo quản sau thu hoạch, chế biến tinh, chế biến phụ phẩm, bao bì và xây dựng thương hiệu. Tiếp

tục nâng cao giá trị thương hiệu Cà phê Buôn Ma Thuột, cà phê đặc sản và các sản phẩm chủ lực, OCOP của tỉnh; chủ động đáp ứng các tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm và yêu cầu về truy xuất nguồn gốc của thị trường quốc tế.

Đổi mới tổ chức sản xuất, phát triển hợp tác xã kiểu mới, liên kết bền vững giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và nhà khoa học. Khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phù hợp quy định; phát triển kinh tế trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý vùng trồng, dự báo thị trường, tưới tiết kiệm, quản lý dịch bệnh và truy xuất nguồn gốc.

Phát triển thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững; cơ cấu lại khai thác thủy sản, giảm áp lực khai thác ven bờ, phát triển nuôi biển và nuôi trồng công nghệ cao. Thực hiện nghiêm các quy định về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; quản lý chặt chẽ tàu cá, truy xuất nguồn gốc và an toàn khai thác.

5. Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh

Phát huy đầy đủ vai trò của các thành phần kinh tế; xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế cùng phát triển, hợp tác, cạnh tranh lành mạnh và hỗ trợ lẫn nhau trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; khuyến khích hình thành các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh, tham gia và dẫn dắt các chuỗi giá trị, ngành hàng chủ lực của tỉnh; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng đội ngũ doanh nhân có năng lực, bản lĩnh, trách nhiệm xã hội và khát vọng phát triển.

Tiếp tục cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước; tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu, kết cấu hạ tầng chiến lược, cung ứng dịch vụ công và những lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác không đầu tư hoặc đầu tư không hiệu quả; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước theo hướng công khai, minh bạch và quản trị hiện đại để tăng giá trị đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Thu hút có chọn lọc khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; ưu tiên các dự án công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng, logistics và các ngành có giá trị gia tăng cao; khuyến khích chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, liên kết với doanh nghiệp trong nước và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; tăng cường quản lý, giám sát, xử lý các dự án chậm triển khai, sử dụng đất kém hiệu quả.

Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng đổi mới, thực chất và hiệu quả; hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển

đổi số, xây dựng thương hiệu và tham gia chuỗi giá trị; ưu tiên phát triển các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, làng nghề, sản phẩm OCOP và du lịch cộng đồng.

Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, chuyên nghiệp, có trọng tâm, trọng điểm; xây dựng danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư gắn với Quy hoạch tỉnh; thực hiện hiệu quả cơ chế hỗ trợ nhà đầu tư trong suốt quá trình chuẩn bị, triển khai và vận hành dự án, nâng cao tỷ lệ vốn đăng ký được thực hiện.

6. Tạo đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực

Tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ các chủ trương của Trung ương và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xác định đây là động lực chủ yếu để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và hiệu quả quản trị. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Đổi mới sáng tạo, thúc đẩy liên kết giữa nhà nước, nhà trường, nhà khoa học và doanh nghiệp; đổi mới cơ chế đặt hàng, nghiên cứu, chuyển giao, thương mại hóa kết quả khoa học, công nghệ; ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng, logistics, kinh tế biển, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện; phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên nền tảng dữ liệu số đồng bộ, liên thông và an toàn. Triển khai nhân rộng mô hình “Mỗi xã, phường một KOL - Đưa sản vật Đắc Lắc lên không gian số” và phong trào “Bình dân học vụ số”. Hoàn thành, vận hành hiệu quả Trung tâm Dữ liệu tỉnh và các nền tảng dữ liệu dùng chung; phát triển dữ liệu trở thành nguồn tài nguyên mới phục vụ quản trị, điều hành, dự báo và hoạch định chính sách; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), công nghệ viễn thám và các công nghệ số tiên tiến trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ công; nghiên cứu, từng bước phát triển hệ sinh thái ứng dụng phục vụ kinh tế không gian thấp theo quy định của pháp luật; bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu. Mạnh dạn áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình kinh tế mới như công nghiệp chip bán dẫn, kinh tế không gian tầm thấp, tín chỉ carbon.

Triển khai hiệu quả các chủ trương của Trung ương và chương trình, kế hoạch của tỉnh về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục dân tộc, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu phát triển của tỉnh; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và các địa bàn khó khăn.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu thị trường lao động và các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh; tăng cường đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng nghề, kỹ

năng số, trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo cho người lao động, cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo; hoàn thiện cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học và nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo môi trường thuận lợi để nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và cống hiến lâu dài cho tỉnh.

7. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và xây dựng con người Đắk Lắk thời kỳ mới; quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống nhân dân

Phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực phát triển bền vững; xây dựng con người Đắk Lắk phát triển toàn diện, giàu bản sắc, khát vọng cống hiến; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, gia đình Việt Nam, phù hợp với đặc trưng đa văn hóa, đa dân tộc của tỉnh; đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, quảng bá hình ảnh và con người Đắk Lắk.

Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, trọng tâm là Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, Nghệ thuật Bài chòi, văn hóa cà phê, Công viên địa chất và các giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc; gắn bảo tồn di sản với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa và kinh tế sáng tạo. Quan tâm phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phát huy vai trò của già làng, người có uy tín, nghệ nhân và chức sắc tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ, hiện đại; phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành đầu tư Trung tâm Văn hóa – Nghệ thuật tỉnh Đắk Lắk và kêu gọi đầu tư, phát triển khu liên hợp thể thao vùng; đẩy mạnh số hóa di sản, phát triển văn hóa số và các sản phẩm văn hóa - du lịch mang thương hiệu Đắk Lắk; triển khai hiệu quả Đề án Công viên địa chất hướng tới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO; phát triển toàn diện thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe, tầm vóc Nhân dân và đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao.

Triển khai hiệu quả các chủ trương của Trung ương và chương trình, kế hoạch của tỉnh về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; thực hiện đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2030, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và thụ hưởng thành quả phát triển, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, đồng bộ, công bằng và hiệu quả; củng cố y tế cơ sở, y tế dự phòng, nâng cao năng lực khám, chữa bệnh và chất lượng nguồn nhân lực y tế; đầu tư Bệnh viện đa khoa chất lượng cao, thu hút các cơ sở y tế chuyên khoa và kỹ thuật cao phù hợp với điều kiện của tỉnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, khám, chữa bệnh từ xa và liên thông dữ liệu; chủ động phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm, thuốc và trang thiết bị y tế; mở rộng bao phủ bảo hiểm xã hội, phấn đấu đến năm 2030 đạt bảo hiểm y tế toàn dân.

Phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, đồng bộ; nâng cao chất lượng kết nối cung – cầu lao động, dự báo nhu cầu nhân lực và cung cấp thông tin thị trường lao động. Thực hiện tốt chính sách việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động; hỗ trợ người lao động chuyển đổi nghề, thích ứng với tự động hóa, chuyển đổi số và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân và đối tượng chính sách. Kiểm soát, phát triển thị trường nhà ở theo hướng lành mạnh, phù hợp quy hoạch. Từng bước cải thiện điều kiện sống khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững, hạn chế tái nghèo; ưu tiên sinh kế, nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, giáo dục, y tế và tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, cận nghèo, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế. Chuyển mạnh từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ có điều kiện, tạo sinh kế và nâng cao năng lực tự vươn lên.

Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo, người có công, bảo trợ xã hội, bình đẳng giới, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật. Tăng cường phòng, chống tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em; xây dựng môi trường sống an toàn, nhân văn và đoàn kết.

8. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, rừng, biển và hải đảo. Thực hiện công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đẩy nhanh đo đạc, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ. Kiên quyết thu hồi dự án chậm triển khai, sử dụng đất sai mục đích, lãng phí; xử lý nghiêm vi phạm trong quản lý, khai thác khoáng sản và tài nguyên.

Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng, tài nguyên biển và đa dạng sinh học; bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên; phát huy giá trị dịch vụ môi trường rừng và hệ sinh thái biển. Kiên quyết ngăn chặn phá rừng, lấn chiếm đất rừng và khai thác lâm sản trái pháp luật.

Chủ động phòng ngừa, kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm; nâng cao chất lượng thẩm định, kiểm tra, giám sát môi trường đối với các dự án đầu tư. Yêu cầu các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, khu đô thị và khu dân cư thực hiện đầy đủ quy định về thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn và khí thải. Từng bước hình thành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục; tăng cường xã hội hóa dịch vụ thu gom, tái chế và xử lý chất thải; quan tâm kêu gọi đầu tư để đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh có ít nhất 02 nhà máy xử lý rác thải công nghệ hiện đại tại khu vực đô thị Buôn Ma Thuột, Tuy Hòa nhằm giảm tỷ lệ xử lý rác thải bằng phương pháp chôn lấp, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.

Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm tài nguyên, tái chế chất thải và giảm phát thải khí nhà kính. Chủ động xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện

cam kết phát thải ròng bằng “0”, phát triển thị trường các-bon, tín chỉ các-bon rừng và nông nghiệp phát thải thấp phù hợp điều kiện của tỉnh.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai. Đầu tư, nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa, đê, kè, hệ thống thoát nước, công trình phòng chống sạt lở, hạn hán, ngập lụt và xâm nhập mặn. Xây dựng phương án thích ứng phù hợp với từng khu vực: phòng chống hạn hán, suy giảm nguồn nước và cháy rừng tại khu vực cao nguyên; phòng chống bão, lũ, sạt lở, xói lở bờ sông, bờ biển và nước biển dâng tại khu vực phía Đông.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả; giữ vững môi trường ổn định cho phát triển

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Tăng cường tiềm lực khu vực phòng thủ, bảo vệ biên giới, vùng biển, địa bàn trọng điểm và công trình quan trọng; giải quyết kịp thời tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, không để phát sinh điểm nóng.

Chủ động nắm chắc tình hình, bảo đảm an ninh chính trị, kinh tế, mạng, năng lượng, nguồn nước, dân tộc, tôn giáo và trật tự an toàn xã hội; phòng chống tội phạm, ma túy, buôn lậu, gian lận thương mại, tội phạm công nghệ cao, khai thác tài nguyên trái phép; kiểm chế tai nạn giao thông, cháy, nổ và tai nạn xã hội.

Cân đối nguồn lực hỗ trợ đầu tư trụ sở cho công an, ban chỉ huy quân sự cấp xã; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, tuyển quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu và nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh đối ngoại biên phòng, đầu tư và khai thông Cửa khẩu Đắc Ruê - Chi Miết, thực hiện phân giới, cắm mốc; ngăn chặn khai thác IUU, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo.

Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, văn hóa và đối ngoại nhân dân; mở rộng hợp tác quốc tế, nâng cao hiệu quả sử dụng ODA, viện trợ phi chính phủ; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, công nghệ, vốn và chuỗi cung ứng. Tăng cường xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, xuất khẩu và xây dựng thương hiệu sản phẩm; duy trì quan hệ hữu nghị với các địa phương giáp biên Campuchia, mở rộng hợp tác trong nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu, du lịch và Tiểu vùng Mê Kông mở rộng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ngay sau khi Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2026 – 2030 được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ ban hành Kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện; chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể của đơn vị mình để tổ chức thực hiện; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, nguồn lực, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm người đứng đầu.

Xây dựng danh mục các chương trình, đề án, dự án trọng điểm giai đoạn 2026 – 2030 (*trong năm 2026, tập trung triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục IV kèm theo Báo cáo này*); ưu tiên bố trí nguồn lực và

tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến tăng trưởng, kết nối không gian phát triển và nâng cao đời sống Nhân dân. Thường xuyên rà soát tiến độ, kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, nhưng không làm thay đổi các mục tiêu, định hướng lớn đã đề ra.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra và đánh giá độc lập; công khai kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu. Định kỳ hàng quý, hàng năm tổ chức đánh giá tình hình thực hiện, phân tích rõ nguyên nhân kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh giai đoạn 2021 – 2025 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện giai đoạn 2026 - 2030, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (H)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Công Thái